

THÀNH DUY THỨC LUẬN DIỄN BÍ

QUYỂN 7 (PHẦN CUỐI)

Luận: Y nghĩa là sở y, đủ như trong số biện. Có nghĩa chuyển là thuộc đạo năng chuyển, cũng là y của chuyển, do đạo năng chuyển chuyển y của sở chuyển gọi là chuyển y. Nay giải thích này là rõ ràng nhất.

Biện rằng: Cùng chuyển làm y gọi là chuyển y, chuyển tức năng y, năng y luận nói là pháp nhiệm tịnh. Vì sao đối với chuyển nói là thuộc về đạo năng chuyển? Vì Đạo năng chuyển chẳng phải là nhiệm. Nay giải thích chuyển có hai nghĩa: Một là chuyển thuộc đạo năng chuyển, hai loại xả và đắc do chuyển mà xả và đắc, đây là y chủ mà gọi. Hai là thuộc sở chuyển xả và đắc hai loại, chuyển tức xả và đắc là Trì nghiệp mà lập tên. Nay nương nghĩa ban đầu hợp nói chuyển y cũng là Y chủ thích.

Sớ: Vô Tánh nói sở y chỉ.

Xét luận kia quyển 9, trong bản luận ghi: Hai sở y chỉ, chuyển y làm tướng, trong đây sinh tử gọi là y tha khởi tánh phần tạp nhiễm, Niết-bàn gọi là y tha khởi tánh phần thanh tịnh. Hai sở y chỉ gọi là thông hai phần. Y tha khởi tánh chuyển y nghĩa là tức y tha khởi tánh khi đối trị khởi chuyển bỏ phần tạp nhiễm, chuyển chứng phần thanh tịnh.

Vô Tánh giải thích rằng, hai sở y chỉ chuyển y làm tướng, hoặc Y sĩ thích hoặc Trì nghiệp thích.

Luận: Sơ cực hỷ địa.

Xét luận Du-già quyển 47 thì Cực hỷ trụ Bồ-tát có bốn tướng phát tâm:

1. Tướng nào phát tâm: Nghĩa là thắng giải hành trụ đã khéo chứa nhóm tất cả căn lành, đối với Bồ-tát hạnh đã chánh vượt khỏi, lược nói là tướng.

2. Sở duyên nào: Lo nghĩ duyên Bồ-đề tư lương ở đời sau, lợi ích hữu tình, phụng thờ tất cả Phật pháp, sở hành của chư Phật viên mãn.

3. Phát tâm do hình trạng nào, tướng nào, tự tánh nào khởi: Nghĩa là các Bồ-tát phát khởi tất cả tư lương Bồ-đề tùy thuận hữu tình, tất cả những sự Bồ-tát thành Phật.

4. Phát tâm có lợi ích thù thắng gì: Nghĩa là các Bồ-tát phát tâm này rồi là vượt qua Bồ-tát phạm dị sinh địa chứng nhập Bồ-tát chánh tánh ly sinh, sinh nhà Như Lai, nối dòng Như Lai.

Lại nói, lại trong hiện pháp hay khởi tất cả sức tinh tấn tín tăng thượng của Bồ-tát làm tiền đạo.

Lại nói, dẫn phát mười đại nguyện:

1. Dẫn nguyện thứ nhất, vì muốn cúng dường tối thắng hữu tình mà nói pháp vô thượng.

2. Dẫn nguyện thứ hai, vì muốn thọ trì pháp đã nói kia.

3. Dẫn nguyện thứ ba, vì muốn khuyến thỉnh chuyển pháp luân.

4. Dẫn nguyện thứ tư, vì muốn thuận họ làm hạnh Bồ-tát.

5. Dẫn nguyện thứ năm, vì muốn thành tựu khí hữu tình kia.

6. Dẫn nguyện thứ sáu, vì muốn đến cõi Phật, gặp Phật cúng dường, nghe chánh pháp.

7. Dẫn nguyện thứ bảy, vì tịnh cõi Phật.

8. Dẫn nguyện thứ tám, vì không lìa Phật cùng các Bồ-tát, thường đồng một vị ý lạc Gia hạnh.

9. Dẫn nguyện thứ chín, vì lợi ích hữu tình chưa từng lường qua.

10. Dẫn nguyện thứ mười, vì chứng Bồ-đề làm việc chư Phật.

Mười nguyện, xét quyển 45 ghi: Nếu chư Bồ-tát nguyện ở đời sau đem tất cả đồ cúng dường mà cúng vô lượng Phật gọi là đại nguyện thứ nhất. Nguyện ở đời sau hộ truyền chánh pháp của Phật khiến không dứt đoạn là đại nguyện thứ hai. Nguyện ở đời sau từ Đô sử xuống đến bát Niết-bàn gọi là đại nguyện thứ ba. Nguyện ở đời sau hành Bồ-tát hạnh là đại nguyện thứ tư. Nguyện ở đời sau khắp thành tựu hữu tình gọi là đại nguyện thứ năm. Nguyện ở đời sau khắp bầy thế giới gọi là đại nguyện thứ sáu. Nguyện ở đời sau khắp tịnh cõi Phật gọi là đại nguyện thứ bảy. Nguyện ở đời sau tất cả Bồ-tát đều đồng một thứ ý lạc Gia hạnh hưởng vào Đại thừa gọi là đại nguyện Thứ tám. Nguyện ở đời sau không đảo ngược Gia hạnh đều không lường bỏ gọi là đại nguyện thứ chín. Nguyện ở đời sau mau chứng Bồ-đề gọi là đại nguyện thứ mười.

Lại quyển 47 nói rõ trong Sơ địa có mười tịnh tu trụ pháp, do đây có thể khiến Cực hoan hỷ trụ mau được thanh tịnh:

1. Đối với Phật pháp sinh tịnh tín sâu.

2. Quán sát hữu tình chỉ có khổ nên khởi lòng bi.

3. Thệ khiến thoát khổ được vui nên khởi lòng từ.
4. Vì cứu lo khổ mà hành bố thí.
5. Vì lợi hữu tình cầu pháp thế xuất thế không mỗi một.
6. Không nhằm mỗi cho nên khéo biết các luận.
7. Khéo biết luận cho nên khéo hiểu thế gian.
8. Tức ở trong chánh Gia hạnh như vậy mà tu tâm quý.
9. Tức ở trong chánh Gia hạnh như vậy được không thối chuyển.
10. Dùng lợi dưỡng nhiệm mầu và chánh hạnh cúng dường Như

Lai.

Lại nói, các Bồ-tát đối mười pháp này nhận học tùy chuyển nhiều tu tập rồi, lại ở chín giới tăng thượng khác, các Bồ-tát trụ theo Phật Bồ-tát chuyên cần tinh tấn cầu hỏi tất cả lỗi công đức chủng đạo và thần thông, không có lỗi hoại đạo v.v... đây tức hiển rõ chín địa khác.

Lại nói, nguyện gặp chư Phật, nguyện sinh cõi Phật, như thật xứng ý toại nguyện. Lại do gặp Phật thành tựu căn lành cho hữu tình, hồi hướng vô thượng Bồ-đề. Do ba thứ nhân duyên thanh tịnh này các căn lành kia cùng thêm sáng sạch gọi là tu thiện căn.

Lại nói, mỗi mỗi sinh xứ có nhiều luân vương làm vua ở Thiệm-bộ châu, được đại tự tại được Bách pháp minh môn v.v... là giới sinh xứ, như luận kia nói rộng.

Sớ: Thập địa nói là không quên củi phiền não.

Quên nghĩa là bỏ quên, quên mất. Phiền não từ vô thỉ nối nhau không dứt gọi là không quên.

Luận: Thứ năm, Cực nan thắng địa.

Hỏi: Kinh Nhân Vương có tụng rằng: “Bồ-tát Sơ địa Tứ thiên vương, song chiếu hai đế lý bình đẳng” vì sao luận này v.v... chỉ nói Địa thứ năm mới tương ứng?

Đáp: Như Nghĩa Đăng giải thích đầy đủ. Có nghĩa giải thích rằng, thế trí có hai: một là duyên, sắc v.v... tự tánh các pháp; hai là rộng phân biệt thành năm, rõ ràng sai khác, duyên và sắc v.v... các pháp không nhiều sai khác. Sơ địa chân hợp, duyên năm là rõ ràng trí có nhiều hành khác, đến Địa thứ năm chân tục mới hợp.

Sớ: Trong Thức thứ hai ở trước đã có ngăn vắn hỏi.

Tức từ Thức thứ bảy gọi là đoạn thứ hai, theo từ gốc ngọn để làm thứ lớp, ngã và ngã sở kia không thừa nhận cùng khởi.

Sớ: “Thập Địa nói” đến “có gián đoạn đại trí hiện tiền trụ”.

Do quán trí duyên khởi tâm Gia hạnh, có khi dẫn trí Bát-nhã vô phân biệt kia mà được hiện tiền. Trí duyên khởi sau mới hiện tiền.

Sớ: Thập Địa nói báo hành thuần thực.

Nhân theo mặc tình không đợi Gia hạnh mà có thể thành đó gọi là báo hành, như nói báo tánh tự có thể như vậy.

Luận: Thứ mười là Pháp vân địa.

Xét Thập Địa quyển 12 ghi: Bồ-tát Pháp vân địa ngồi có mười tướng, năm tướng trước số đã đủ. Thứ sáu là Thành tướng vì làm các pháp tánh như huyền cảnh giới sở thành. Thứ bảy là Nhất nghĩa tướng, ánh sáng khéo chiếu tất cả pháp giới cho nên khéo chiếu gọi là chánh quán. Tám là Công đức tướng, vượt hơn tất cả cảnh giới của chư thiên. Chín là Thể tướng, đại lưu ly ma ni làm cảnh v.v... Mười là Trang nghiêm cụ túc tướng, thân của hoa có vô lượng ánh sáng, tất cả các báu trang sức trong đó, vô lượng lưới báu che trùm ở trên.

Luận: Như vậy Thập địa.

Thể của địa này các luận không đồng. Xét luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa ghi: Giai cấp trụ xứ căn lành là nghĩa của địa này, đồng Nhiếp uận dùng trí làm thể, do pháp Vô vi không có giai cấp. Lại Nhiếp luận đời Lương chỉ nói xuất ly Chân như làm địa, như là gốc pháp cho nên riêng nói. Lại luận Phật Địa quyển 1 ghi: “Địa gọi là sở y, sở hành, sở nhiếp, dùng tịnh pháp giới cảnh trí v.v... các pháp hợp làm địa”. Như thứ lớp gọi là sở y, sở hành, sở nhiếp, cảnh trí có thể có sở hành gọi là hữu sở hành. Trí tương ứng pháp là Phật sở nhiếp gọi là sở nhiếp. Du-già v.v... các thuyết như số đã dẫn, đứng về nghĩa không đồng, các giáo không trái.

Có nghĩa gạn hỏi sở giải thích nghĩa của địa rằng: Nói thật pháp khác cùng tổng giả gọi đó là địa. Nay giải thích không đúng. Luận tự nói cùng với sở tu hành làm làm thắng y trì, khiến được sinh trưởng sở tu hành kia, nhất định chẳng phải là giả. Không thể là giả vì riêng từ thật sinh chỉ nên nói là pháp Hữu vi, Vô vi tích tập, cùng pháp sở tu hành khác làm y làm nhân sinh trưởng gọi là địa.

Biện rằng: Nếu chỉ nói là địa không đối với người có thể như đã xác quyết, nếu đối với người nói rằng Bồ-tát địa. Tên gọi Bồ-tát đâu chẳng phải gọi giả kia là thể ư? Nếu thừa nhận vậy thì cùng giả làm địa, lý nào không được? Lại vốn lập địa chỉ căn cứ hành nhân giai cấp địa vị sai khác, nếu không đối người sau thì cần gì lập địa? Lại người không riêng, xét pháp thành người, hành sở tu cũng tức phần tổng, bỏ tổng bàn biệt nói rằng cùng tu hành làm y sinh nhân lại cùng tu hành làm thắng y v.v... chính giải thích lý do cùng giả làm địa.

Lại các Bồ-tát năm uẩn thù thắng, viễn nhân thật pháp mà được

sinh khởi, lỗi gì không thừa nhận? Cho nên quyển 47 ghi: Do hay nhiếp trì nghĩa Bồ-tát cho nên tên địa chánh đồng luận này, vì đối với hành Bồ-tát hay nhiếp, cho nên cùng Bồ-tát mà làm địa.

Sớ: Có thể làm nghĩa thọ dụng cư xứ cho nên gọi là trụ.

Khi Bồ-tát thọ dụng hai lợi hành, nghĩa sở cư xứ gọi đó là trụ.

Sớ: Đây căn cứ quả cùng nhân.

Dùng quả cùng nhân mà làm địa, do vì cầu quả mới khởi hành, liền tùy tự địa, lý trí hai cực đều gọi là quả, chẳng phải chỉ có quả Phật.

Luận: Thí có ba.

Xét quyển luận Du-già quyển 39 ghi: Tài thí nghĩa là dùng tài vật thượng diệu thanh tịnh như pháp bố thí. Điều phục cấu bẩn xển tham lam mà hành bố thí. Điều phục cấu chứa nhóm mà làm bố thí. Vô úy thí, nghĩa là cứu giúp sự sợ sệt sự tử, cạp, sói, quỷ mị v.v... cứu giúp sự sợ sệt vua quan giặc cướp, cứu giúp sự sợ hãi về nước và lửa. Pháp thí, nghĩa là thuyết pháp không điên đảo, thuyết pháp xứng lý, khuyên tu học xứ. Như vậy tất cả tổng nói chín tướng.

Luận: giới có ba loại.

Xét luận Du-già quyển 40 ghi: Nghĩa là Bồ-tát thọ luật nghi biệt giải thoát của bảy chúng, y chỉ hai phần tại gia và xuất gia gọi là giới luật Bồ-tát. Nghĩa là các Bồ-tát sau khi thọ luật nghi giới, chỗ có tất cả là đại Bồ-đề, do thân ngữ ý tích tập các căn lành tổng gọi là Nhiếp thiện pháp giới. Nghĩa là các Bồ-tát đối với các hữu tình có thể dẫn nghĩa lợi, mỗi mỗi sự nghiệp cùng làm trợ bạn gọi là Nhiêu ích hữu tình giới.

Hỏi: Du-già tự nói ba giới đồng thọ, lại nói vì sao nói thọ luật nghi, sau tất cả các thiện mới gọi là nhiếp thiện?

Đáp: Lý thật ra là đồng thọ, hiển sở khởi sau cũng nhiếp thiện nhiếp, nếu không nói sự nghi sau khởi chẳng phải giới nhiếp. Cho nên hiển luật nghi là các giới vốn có ra lời nói trước sau thật đồng thọ.

Hỏi: Thế nào là khéo trụ khéo hộ luật nghi?

Đáp: Xét Du-già ghi: “Thành tựu mười chi gọi là khéo trụ khéo hộ, nghĩa là không đoái hoài luyến tiếc các dục quá khứ, lại không mong cầu các dục tương lai, lại không tham đắm các dục hiện tại, lại ưa xa lìa không sinh mừng đủ, lại có thể quét trừ ngôn luận bất chánh và các ác tâm tứ, lại có thể đối với mình không tự khinh, lại tánh hay nhu hòa, có thể kham nhẫn, lại không phóng dật, có thể đầy đủ phép tắc tịnh mạng.

Hỏi: Thế nào là khéo trụ khéo hộ nhiếp thiện?

Đáp: Tức luận kia ghi: Do mười thứ tướng gọi là trụ nhiếp thiện, mau có thể nhiếp thiện tất cả thứ tướng, nghĩa là tức thí v.v... mười thứ Ba-la-mật-đa.

Hỏi: Thế nào khéo trụ khéo hộ Nhiêu ích hữu tình giới?

Đáp: Tức luận kia ghi: Do mười một tướng gọi là trụ Nhiêu ích hữu tình giới, nghĩa là các Bồ-tát đối với các hữu tình, mỗi mỗi sự nghiệp đều làm trợ bạn. Lại các Bồ-tát vì cõi hữu tình như lý tuyên nói khiến đoạn các ác. Lại các Bồ-tát đối với họ có ơn, các hữu tình rất biết ân tuệ thường suy nghĩ báo đáp. Lại các Bồ-tát gặp các sự sợ hãi của hữu tình có thể làm cứu hộ. Lại các Bồ-tát đối với sự suy não của hữu tình có thể khai mở khiến lia lo buồn. Lại các Bồ-tát đầy đủ đồ nuôi sống, tùy ai đến xin liền thí cho. Lại các Bồ-tát tánh ưa nhiếp thọ các hữu tình, như pháp mà chế phục chúng, các phương tiện nhiều ích, dùng tâm vô nhiễm trước cho nương tựa, dùng tâm thương xót hiện làm lợi ích. Lại các Bồ-tát đối với tâm hữu tình tánh ưa tùy chuyển, trước biết thể tánh mới tùy họ chuyển, vì tùy tâm họ mà khiến ác dứt, pháp lành được sinh. Lại các Bồ-tát tánh ưa khen ngợi công đức chân thật, khiến họ vui mừng. Lại các Bồ-tát tánh ưa thương xót dùng pháp điều phục để điều phục hữu tình. Lại các Bồ-tát vì muốn nhiều ích các hữu tình nên hiện sức thần thông này nói ba thứ giới tạng của Bồ-tát, cũng gọi là vô lượng đại công đức tạng. Như luận kia dẫn rộng.

Luận: Nhân có ba loại.

Xét luận Du-già quyển 42 nói ba tướng rằng: Thế nào Bồ-tát chịu đựng người oán hại? Nghĩa là các Bồ-tát dũng mãnh khi không gián đoạn trong thời gian dài, tùy người oán hại sinh, khi các khổ hiện tại trước, nên học như vậy: như đây là lỗi tự nghiệp của ta, do ta đời trước tự tạo các thứ nghiệp bất tịnh, nay thọ các thứ quả khổ như vậy. Ta nay đối với khổ lợi vô nghĩa này nếu không nhẫn chịu sẽ lại làm nhân xử đại khổ của đời sau. Lại thân tự tha đều khổ làm thể, họ không biết cho nên ở thể khổ của ta lại thêm khổ kia. Ta đã biết rồi há lại thêm khổ. Lại người Thanh văn tu hành tự lợi không sinh khổ khác, hưởng gì ta vì người mà sinh không nhẫn chịu.

Thế nào là an thọ khổ nhẫn? Nghĩa là các Bồ-tát nên học như vậy: ta từ xưa nương dục làm chuyển thường cầu các dục, như vậy khi truy cầu khổ vô nghĩa, nay ta nhận đủ các thứ khổ lớn, đều do lỗi lầm vô trí suy nghĩ chọn lựa. Ta nay vì cầu hay dẫn thiện phẩm an lạc tối thắng, còn nên suy nghĩ lựa chọn, nhẫn thọ trăm ngàn câu-chi đại khổ, hưởng gì chút khổ cỏn con này mà không nhẫn chịu. Như vậy như vậy chánh

suy nghĩ vì câu Bồ-đề đều có thể nhận chịu tất cả sự khổ. Thế nào Bồ-tát pháp tử thắng giải nhãn? Nghĩa là các Bồ-tát ở tất cả pháp có thể chánh suy nghĩ lựa chọn, do Bồ-tát khéo quán sát thắng giác tuệ, có thể đối với tám thứ sinh thắng giải xứ, khéo an thắng giải:

1. Tam bảo công đức xứ
2. Chân thật nghĩa xứ
3. Chư Phật Bồ-tát đại thân lực xứ
4. Nhân xứ
5. Quả xứ
6. Ứng đắc nghĩa xứ
7. Tự ư bỉ, nghĩa đắc phương tiện xứ
8. Nhất thiết sở tri sở ứng hành xứ

Luận: Tinh tấn có ba loại.

Xét Du-già quyển 42 nêu rõ tướng kia rằng: Thế nào Bồ-tát mặc giáp tinh tấn? Nghĩa là các Bồ-tát ở trước khi phát Gia hạnh tinh tấn, tâm họ gan dạ dũng mãnh, trước khoác giáp thệ nguyện, nếu ta vì giải thoát khổ cho một hữu tình mà dùng ngàn đại kiếp v.v... làm một ngày đêm ở Na-lạc-ca không ở đường khác, nhẫn đến Bồ-tát trải qua thời như vậy chứng được Bồ-đề, giả sử quá trăm ngàn câu-chi bội số thời kiếp như vậy mới chứng Bồ-đề thì sự dũng mãnh gan dạ của ta cũng không lui sụt.

Thế nào là Bồ-tát nhiếp thiện tinh tấn? Nghĩa là các Bồ-tát tất cả tinh tấn, khéo hành bố thí v.v... các độ Gia hạnh thành tựu thí. Lại do tinh tấn này là có thể tu chứng, có thể thành nhân duyên tối thắng tất cả pháp lành của Bồ-đề, các pháp khác thì không như vậy. Cho nên Như Lai cùng các thứ pháp môn khen ngợi tinh tấn có thể chứng Bồ-đề.

Thế nào Bồ-tát tinh tấn nhiều ích hữu tình? Nghĩa là tinh tấn này có mười một thứ, như phẩm Giới nói, kia nói thi-la, đây nói tinh tấn, như trước đã dẫn.

Luận: Tinh lực có ba.

Xét luận Du-già quyển 43, thì Tinh lực này lược có hai loại: Một là thế gian, hai là xuất thế gian. Phải biết hai thứ này tùy sở ứng kia lại có ba loại:

1. Nếu các Bồ-tát có Tinh lực xa lìa tất cả phân biệt, hay sinh sự nhẹ nhàng của thân tâm, tịch tĩnh tối cực, xa lìa kiêu mạn trạo cử, lìa các ái vị, dứt tất cả tướng, phải biết đây gọi là Bồ-tát hiện pháp lạc trụ Tinh lực.

2. Nếu các Bồ-tát có Tinh lực, hay dẫn hay trụ các thứ công đức

thù thắng không thể nghĩ bàn, phải biết đây gọi là hay dẫn Bồ-tát đồng giữ công đức Tĩnh lự.

3. Nhiều ích hữu tình Tĩnh lự có mười một thứ như Giới độ dẫn.

Lại luận Đối Pháp quyển 12 ghi: Chế ngự các nghiệp nhậm trì, nghĩa là y chỉ nội chứng, cho nên giáo thọ giáo giới hóa độ hữu tình, người tâm chưa định khiến tâm họ định. Người tâm đã định khiến họ giải thoát, do vì nhiều ích hữu tình Tĩnh lự giữ gìn.

Luận: Bát-nhã có ba.

Xét luận Du-già quyển 43 ghi: Tuệ có hai là thế gian và xuất thế gian. Hai thứ này lược nói lại có ba loại:

1. Nếu các Bồ-tát đối với pháp lìa ngôn thuyết không có ngã tánh, hoặc đối với chân đế sắp muốn giác ngộ, hoặc đối với chân đế khi chánh giác ngộ, hoặc đối với chân đế sau khi giác ngộ rồi, có được diệu tuệ tối thắng vắng lặng hiện tiền rõ ràng, không có phân biệt lìa các hý luận, đối với tất cả pháp tu tánh bình đẳng, nhập đại tổng tướng, rốt ráo hiểu rõ tất cả bờ mé hiểu biết, xa lìa hai bên, thuận vào Trung đạo, đây gọi là Bồ-tát có thể ở nơi hiểu biết có trí tuệ chân thật tùy giác thông đạt.

2. Nếu các Bồ-tát đối với Ngũ minh và Tam tụ quyết định khéo léo, nghĩa là ở nơi năng dẫn nghĩa lợi pháp tụ, năng dẫn phi nghĩa lợi pháp tụ, năng dẫn phi nghĩa lợi phi phi nghĩa lợi pháp tụ đều như thật biết, ở tám chỗ này có diệu tuệ khéo léo nhiếp thọ, hay mau viên mãn tư lương rộng lớn, mau chứng Bồ-đề, đây gọi là Bồ-tát có thể đối với Ngũ minh và trong Tam tụ quyết định thiện xảo tuệ.

3. Năng tác nhất thiết hữu tình nghĩa lợi tuệ, có mười một thứ như trước đã nói đủ.

Luận: Phương tiện thiện xảo.

Xét Vô Tánh giải thích rằng: Nếu do sáu Ba-la-mật-đa tích tập căn lành, cùng các hữu tình vì muốn lợi ích các hữu tình, cho nên không bỏ hữu tình, phải biết tức là không bỏ khổ sinh tử. Do đây khéo hồi hướng cầu Bồ-đề vô thượng chánh đẳng, vì chứng Phật Bồ-đề, phải biết đây tức là mong cầu Niết-bàn. Sở dẫn lược, nên căn cứ ở đây để hiểu.

Lại Đối Pháp quyển 14 có bốn thiện xảo:

1. Thành tựu hữu tình thiện xảo, nghĩa là bốn Nhiếp pháp, do nhiếp thọ họ, khiến xứ khéo léo.

2. Viên mãn Phật pháp thiện xảo, nghĩa là tuệ Ba-la-mật-đa.

3. Tốc chứng thông tuệ thiện xảo, nghĩa là ngày đêm sáu thời phát lộ các ác, tùy hỷ công đức khuyến thỉnh chư Phật hồi hướng căn lành.

4. Đạo vô đoạn thiện xảo, nghĩa là không trụ Niết-bàn. Do đây thường thường rốt ráo không dứt, trùm khắp mười phương, tất cả thế giới, tùy chỗ ứng hóa thị hiện hành tất cả Phật và Bồ-tát.

Luận: Lực có hai loại.

Có thuyết nói là tư trạch tư tuệ, tu tập tu tuệ. Nếu vậy Hậu đắc đâu có tư tuệ, chỉ có Vô lậu?

Đáp: Có chánh tư duy gọi là tư, cũng đâu có lỗi gì!

Luận: Giới dùng thọ học v.v... làm thế.

Lại xét kinh Văn-thù Vấn nói đủ tướng này, nay dẫn sơ lược. Hoặc dùng tâm phân biệt là người, chẳng phải người, nam nữ, chẳng phải nam nữ v.v... hoặc thọ giới Bồ-tát xuất thế gian mà không khởi tâm từ bi, hoặc vật của người mà khởi tưởng ăn trộm, hoặc khởi tâm vọng ngữ, đều phạm Ba-la-di. Nếu dùng thân khẩu hành không kham được Tam thừa, hoặc lá cây, vỏ cây, nước cây dùng tâm muốn lấy, hoại khởi tưởng ca múa làm nhạc, hoa hương anh lạc, hoặc khởi tưởng giường cao rộng lớn, hoặc khởi tưởng cầm giữ vàng bạc châu báu đều là phạm Tăng-già-bà-thi-sa của Bồ-tát. Nếu dùng thân khẩu hành không kham chứng Tam thừa, lại hoặc cạo lông trên thân, hoặc cắt móng tay như hình mặt trăng đầu tháng, hoặc khởi tưởng này, hoặc khởi tưởng chặt cỏ cây, hoặc tưởng khởi hủy hoại danh dự của người đều phạm Thâu-lan-giá. Nếu người dùng thân khẩu hành không kham chứng Tam thừa, lại nếu hoa, hương, y, vật báu của Phật pháp tăng mà lấy chân đạp giẫm lên, hoặc tháp Phật hay chỗ Phật đi, hoặc chỗ cây Bồ-đề chuyển pháp luân mà lấy chân giẫm đạp đều phạm Ba-dật-đề. Nếu người không tin, không kham chứng tam thừa, hoặc khạc nhổ, le lưỡi, động mắt chê hủy các oai nghi, người khởi tưởng phạm như đây thì phạm Đột-kết-la. Nếu dùng thân miệng hành không kham chứng Tam thừa, hoặc thấy vật của người, nhạc của người, vô số đồ chơi đối hiện cầu lợi và nói dối người, nếu khởi tưởng này phạm Ba-la-đề-xá.

Sớ: Cũng không tùy miên lưu chú tương tục.

Dù không hiện khởi hoại ác, không bỏ kết oán trong tâm gọi là tùy miên.

Sớ: Thế pháp xứ có chín loại.

Hỏi: Thế pháp có tám thứ là khen lợi, khen lạc và khổ v.v... bốn loại, vì sao không nói khen v.v... bốn loại?

Đáp: Khen v.v... là đáng mừng, chẳng phải tướng khổ cho nên không nói. Nghĩa là tư cụ v.v... tánh là pháp hoại, lại gặp duyên hoại gọi là hoại pháp hoại. Đây vẫn là chất còn, gặp duyên chất hết gọi là

tận pháp tận.

Hỏi: Hoại tận cả hai cùng già, bệnh, chết ba thứ nào có gì khác?

Đáp: Trong ngoài có khác cho nên chia làm năm loại.

Luận: Đây nói tự tánh v.v...

Hỏi: Nhẫn, tinh tấn v.v... thể chẳng phải ba nghiệp, vì sao nay nói là tự tánh?

Đáp: Có thật nghĩa chẳng phải tự tánh mà làm dụng trong ba nghiệp thù thắng, ở trong quyền thuộc đối các thứ khác nó kém hơn nên giả gọi là tự tánh.

Biện rằng: Nhẫn và tinh tấn ắt có ba nghiệp, hai hành mới hành, cho nên lấy ba nghiệp cũng không trái lý, các luận phần nhiều nói tự tánh kia thông cả ba nghiệp.

Luận: An trụ tối thắng v.v...

Xét luận Đối Pháp quyển 11 chỉ có năm loại. Thích luận ghi: Chung tánh nghĩa là pháp tánh Bồ-tát. Nguyên nghĩa là tâm Bồ-đề. Ý lạc nghĩa là tâm bi dẫn dắt. Sự nghĩa là bỏ các sở hữu. Tự thể là thân, ngữ ý ba nghiệp.

Luận: Xảo tiện tối thắng.

Tức Nhiếp luận gọi là vô phân biệt trí sở nhiếp thọ. Vô Tánh giải thích rằng: nghĩa là tam luân thí thanh tịnh, người nhận, người thí, vật thí phân biệt đều xa lìa.

Luận: Do đây thí v.v... bốn câu phân biệt.

Có ba bốn câu như sơ đã nói rõ. Lại xét kinh Ưu-bà-tắc Giới rộng phân làm bốn câu. Thí bốn câu nói rằng: “Là thí chẳng phải độ”, nghĩa là Thanh văn, Duyên giác, phàm phu, ngoại đạo, ban đầu hai a-tăng-kỳ, Bồ-tát đồng thí. Độ mà chẳng phải thí nghĩa là năm độ kia, chỉ bày độ cũng là thí. Tăng-kỳ thứ ba Bồ-tát sở thí, chẳng phải độ chẳng phải thí, nghĩa là Nhị thừa đều tu năm độ. Bốn câu các độ khác chuẩn theo đây có thể biết.

Hỏi: Kinh luận vì sao lại trái?

Đáp: Kinh y cứ mặc tình tiến tu, bất thối tăng trưởng gọi là độ. Luận y cứ tướng thoái, bất thoái, gia hạnh, vô gia hạnh để lập tên độ. Căn cứ nghĩa không đồng cho nên không trái.

Luận: “Lại nữa” đến “tương vi chướng”.

Xét Nhiếp luận quyển 7 ghi: Vì thành lập đối trị sở trị chướng, vì muốn đối trị nhân không phát thú cho nên lập thí giới. Nhân không phát thú, nghĩa là đắm trước tiền tài, địa vị, nhà cửa, vì muốn đối trị tuy đã phát thú mà lại có nhân lui sụt, cho nên lập nhẫn tấn. Nhân lui sụt nghĩa

là ở sinh tử hữu tình trái phạm sinh ra các khổ, và đối với thời gian dài thiện phẩm Gia hạnh sinh mỗi một biếng nhác. Vì muốn đối trị tuy đã phát thú không lại lui sụt mà nhân mất hoại cho nên lập định tuệ. Nhân mất hoại nghĩa là các tán động và tuệ tà ác. Như vậy thành lập đối trị sở trị chướng cho nên chỉ lập thành sáu.

Luận: Lại thí v.v... ba tầng thượng sinh đạo.

Tầng thượng sinh là chỗ chiêu cảm quả thể. Đạo là nhân. Tài sản lớn v.v... quả theo nhân khởi gọi là Tầng thượng sinh. Quyết định thắng cũng là quả. Đứng về ba quả trước, tầng thượng quả là thể, thể ba quả sau thù thắng hơn nên đối với nó gọi là Quyết định thắng. Đạo là nhân vậy.

Luận: Trí trợ Bát-nhã.

Lại xét luận Biện Trung Biên chương mười Độ quả có tụng như sơ đã dẫn, Trường hàng giải thích rằng: Đây nói mười thứ Ba-la-mật-đa sở đắc quả chướng để hiển mười thứ chướng Ba-la-mật-đa tự tánh, nghĩa là đối với bố thí nói chướng giàu sang, đối với tịnh giới nói chướng thiện thú, đối với an nhẫn nói chướng bất xả hữu tình, đối với tinh tấn nói chướng giảm lỗi tăng công đức, đối với Tĩnh lực nói chướng khiến sở hóa đến tám pháp, đối với Bát-nhã nói chướng giải thoát, đối với phương tiện nói chướng thí v.v... khéo vô cùng tận. Do đây hồi hướng vô thượng Bồ-đề, khiến thí v.v... thiện vô cùng tận. Đối với nguyện nói chướng tất cả sinh trung thiện vô gián chuyển, do đại nguyện lực nhiếp thọ hay thuận sinh pháp lành. Đối với lực nói chướng sở tác thiện đắc quyết định, do sức suy nghĩ lựa chọn và sức tu tập có thể phục chướng kia, chẳng phải phục nó. Đối với trí nói chướng tự tha thọ dụng pháp thành tựu, không như nghe nói mà hiểu nghĩa.

Luận: Nghĩa là do trước trước dẫn phát sau sau v.v...

Xét Đối Pháp ghi: Do thí quaen tập xả thí trong ngoài, không đoái hoài thân mạng, bỏ kho báu lớn, thọ trì cấm giới. Do vì hộ giới dù người hủy nhục mắng nhiếc trọn không trả thù, có thể kham nhẫn. Do hay kham nhẫn các khổ lạnh nóng, Gia hạnh không dứt phát siêng năng tinh tấn, phương tiện tinh tấn chứng quả rất ráo, đầy đủ Tĩnh lực. Tĩnh lực đầy đủ rồi, chứng được đại tuệ rất ráo xuất thế, lại nữa trước trước sau sau sở trì. Do đủ thi-la thí được thanh tịnh, do thực hành bố thí nhiếp lợi ích hữu tình, do đầy đủ thi-la không bị não hại, do sức nhẫn cho nên giới được thanh tịnh, do hay nhẫn thọ sự không lợi ích của người trọn không hủy phạm sở học xứ. Do tinh tấn cho nên nhẫn được thanh tịnh. Do sức dũng mãnh nên ở lâu trong sinh tử mà không cho là khó, hay thọ các

khổ trái nghịch của chúng sinh. Do Tĩnh lực cho nên tinh tấn thanh tịnh. Do hỷ lạc đầy đủ hay siêng tu tập tất cả pháp lành không thôi nghỉ. Do đủ tuệ cho nên Tĩnh lực thanh tịnh, nếu do vô lượng môn thường thường quán các pháp hay chứng vắng lặng bên trong, tăng trưởng Tam-ma-địa. Du-già, Nhiếp luận, cùng Đối Pháp đồng cho nên không dẫn nữa.

Sớ: Tối thắng sở tác v.v...

Xét luận kia giải thích rằng: Tất cả chỗ làm, chỗ đến của Phật và Bồ-tát, có người giải thích chỗ làm tối thắng là chỗ làm của Phật, chỗ đến tối thắng là chỗ đến của Bồ-tát Thập địa.

Biện rằng: Phật và Bồ-tát đều làm đều đến, hoặc chỗ đến của Phật, chỗ làm của Bồ-tát lẽ ra cũng không lỗi.

Sớ: An trụ Phật tánh.

Phật tánh chính là thể của bờ kia, do có thể an trụ gọi là đến. Lại bờ kia là tổng nhiếp giáo, lý, hành, quả bốn môn của Đại thừa xuất thế. Phật tánh tức là lý sở nhiếp, hoặc thông nơi quả.

Sớ: Lại ba-la là sở tri.

Đây chẳng phải văn Đối Pháp mà chính là sở chủ giải thích luận kia.

Sớ: Hợp có sáu giải thích.

Chữ “sáu” lẽ ra là sai, chữ “năm” mới đúng.

1. Du-già năm duyên.
2. Mười hai tối thắng.
3. Tối thắng sở tác. Sớ nói ba-la là nghĩa chỗ đến. Đây là sở chủ giải thích sở tác chí luận kia, chẳng phải là văn luận.
4. Chỗ biết bờ kia.
5. Tế độ tự tha. Hoặc ba-la là nghĩa sở tri. Đây là một cách giải thích chữ “sáu” không lầm.

Lại xét Trí Độ luận lại có ba giải thích:

1. Một là độ xan tham v.v... các biển phiền não đến rốt ráo cho nên gọi là đến bờ kia, liền dùng sáu chương mà làm bờ này, sáu độ làm bờ kia.

2. Nói bờ này là thế gian, bờ kia là Niết-bàn, liền dùng sinh tử, Niết-bàn hai thứ làm bờ này bờ kia.

3. Nói có cảnh vô đẳng gọi là bờ này, trí biết hữu vô gọi là đến bờ kia, liền dùng phân biệt hữu tướng vô tướng gọi là bờ kia.

Sớ: Giải thích tên riêng.

Xét Nhiếp luận quyển 7 ghi: Lại có thể dứt diệt ác giới, ác thú và có thể chứng được thiện thú đồng giữ gìn cho nên gọi là giới. Lại có thể

diệt hết phần nộ oán thù và có thể khéo trụ mình và người đều an ổn cho nên gọi là nhẫn. Lại có thể xa lìa tất cả pháp biếng nhác ác không lành và năng sinh ra vô lượng pháp lành khiến nó tăng trưởng cho nên gọi là tinh tấn. Lại có thể tiêu trừ sự tán động và hay dẫn được nội tâm an trụ cho nên gọi là Tĩnh lự. Thí và tuệ như số đã dẫn.

Số: Do đại thí.

Xét luận kia ghi: Đại thí là bỏ hết cả việc trong ngoài, vì bố thí thời gian dài, xa lìa lỗi là xa lìa sự không bình đẳng truy tìm các lỗi. Là cấu là hằng đoạn tất cả, trị dứt xan tham.

Giải thích: Là tham phi pháp cũng là lìa lỗi. Năm độ khác đều có ba nghĩa, ý dễ biết nên luận không giải thích. Lại nói, có thể khiến các căn hằng vắng lặng, hay khởi thanh tịnh các đường lành, hay làm thanh tịnh chỗ sở y, gọi là giới. Tùy thứ lớp kia hộ trì các căn môn, là nhân để đến đường lành, sở y của Niết-bàn. Xa lìa tất cả lửa phần hận nóng bức, xa lìa tâm không bỏ oán hại, hiển phát tổn, vì thường an ổn gọi là nhẫn. Tâm oán hại nghĩa là khởi tâm báo oán. Không bỏ nghĩa là không bỏ tâm này, hay ôm lòng oán gọi là tổn. Hiển rõ vô úy này cho nên gọi là hiển phát. Tổn là thường an ổn cho nên tổn hại. Sinh trưởng tác dụng tương ứng cho nên gọi là tinh tấn. Tổn hại tác dụng tương ứng nghĩa là hai chánh đoạn ở trước, do vì có thể tổn hại pháp bất thiện. Sinh trưởng tác dụng tương ứng, nghĩa là hai chánh đoạn sau, do vì hay sinh trưởng các pháp lành, hay giữ gìn hay dứt diệt, hay vắng lặng, hay điều phục. Lại có thể dẫn phát cho nên gọi là Tĩnh lự. Hay giữ gìn nghĩa là đối cảnh nhóm tâm. Hay dứt diệt nghĩa là dứt các tán loạn. Hay vắng lặng nghĩa là khiến tâm vắng lặng. Hay điều phục, nghĩa là chế phục các ràng buộc. Hay dẫn phát, nghĩa là có thể dẫn phát tác dụng tự tại.

Thí tuệ hai vẫn như số đã dẫn. Trong thí kia nói, có thể xả thí v.v... xả nghĩa là xả bỏ, trừ dứt. Vì do thí cho nên có thể đoạn sự nghèo khổ đời sau cho người thí. Lại do thí cho nên có thể trừ nghèo thiếu bức bách nhiệt não hiện đời của người nhận.

Lại tuệ độ, luận kia giải thích rằng: Người khác chỗ phát, nghĩa là theo âm ngôn người đến như lý tác ý tương ứng. Tuệ nội chứng nghĩa là tuệ xuất thế gian. Chủng biệt nghĩa là tuệ hậu sở đắc xuất thế gian. Được vắng lặng nghĩa là tuệ trị phiền não trong tu đạo. Thắng đức nghĩa là tuệ hay dẫn phát công đức thù thắng.

Luận: Y chỉ ý lạc tu.

Xét luận Đối Pháp có sáu ý lạc, nghĩa là các Bồ-tát dùng bảy báu đầy cả hằng hà sa cõi. Lại hằng hà sa đồng với thân mạng khoảng sát-

na, hoặc trải qua hằng hà sa đạ kiếp bố thí một hữu tình nhữ đến tất cả điều khiến họ đối với Bồ-đề mau thành tu hành. Như vậy với thí sai biệt, Bồ-tát ý lạc vẫn không nhảm đủ gọi là vô nhảm ý lạc. Lại các Bồ-tát khi tu hành thí triển chuyển tương tục không một sát-na có lui sụt có dứt đoạn, nhữ đến Bồ-đề gọi là quảng đạ ý lạc.

Lại các Bồ-tát khi tu hành thí, đối với thí sở nhiếp các hữu tình chỗ sinh vui mừng lớn gọi là hoan hỷ ý lạc. Lại các Bồ-tát khi tu hành thí, quán thí sở nhiếp tất cả hữu tình, đối với thân mình có đạ ân đức, không thấy thân mình có ân với người khác, do giúp đỡ ta ba Bồ-đề cho nên gọi là ân đức ý lạc.

Lại các Bồ-tát khi tu hành thí, dù đối với vô lượng các hữu tình khởi phước đạ thí mà không mong báo ân của dị thực đời sau gọi là vô nhiễm ý lạc. Lại các Bồ-tát khi tu hành thí sở đắc dị thực thí các hữu tình chứ không vì tự mình. Lại đem phước này cùng các hữu tình hồi hướng Bồ-đề gọi là thiện hảo ý lạc. Các độ chuẩn theo đây mà biết.

Sớ: Bốn y chỉ phương tiện tu cũng có ba loại.

Tức quán tam luân để làm ba.

Luận: Đây là mười nhiếp.

Xét Nhiếp luận ghi: Thế Tôn đối với tất cả sáu thứ Ba-la-mật-đa này hoặc có chỗ sở dĩ thí âm thanh mà nói.

Giải thích: Trong kinh có chỗ dùng một lời thí nhiếp hết sáu độ, tiếng của giới v.v... cũng lại như vậy.

Vô Tánh giải thích: Nghĩa là ở trong tất cả tu Gia hạnh liền có tất cả hỗ tương giúp đỡ, nghĩa là khi tu thí, giới, nhữ khéo thọ tâm sách tấn chuyên cần, hay khéo rõ biết nghiệp quả tương thuộc. Như vậy trong thí liền có các chuyển. Nếu khi tu giới xa lìa xẻn tiếc, phần khuể, giải đãi, tán động, tà kiến, như vậy trong giới liền có các chuyển, tu tập các chỗ cũng như vậy.

Luận: “Y tu hành” đến “lẽ ra làm bốn câu”.

Mở rộng quyết trạch hỏi đạ các pháp, nhưng có rộng hẹp sai khác không đồng, do đây trong Đối Pháp quyển 15 nói rõ một hành thuận trước, thuận sau, hai, ba, bốn. Cho nên luận kia ghi: “Một hành, tức pháp hỏi luận, nghĩa là dùng một pháp cùng các pháp mỗi mỗi hỗ tương hỏi xong, trừ pháp này lại dùng pháp thứ hai cùng các pháp hỗ tương hỏi. Như vậy mỗi mỗi hỏi tất cả pháp.

Nay có người hỏi rằng: Nếu thành tựu nhữ xứ cũng là sắc xứ ư? Giả sử thành tựu sắc xứ cũng là nhữ xứ ư? Nên thuận câu trước đạ, các câu mong nhau hỏi, đạ thuận trước sau và dùng bốn câu như lý nên

suy nghĩ, như vậy thứ lớp mỗi mỗi lần thành, như lý nên nói.

Thuận câu trước, nghĩa là ở trong các pháp tùy lấy hai pháp lại hỗ tương hỏi, y chỉ pháp trước để đáp câu hỏi. Như có người hỏi: Nếu trí cũng là sở tri ư? Giả sử sở tri cũng là trí ư? Đây nên làm thuận câu trước đáp: Các trí cũng là sở tri, có sở tri chẳng phải là trí, nghĩa là các pháp khác.

Thuận câu sau ấy, nghĩa là tức hai pháp triển chuyển hỏi nhau, y chỉ pháp sau để đáp lời hỏi. Như có người hỏi: Nếu sở thủ cũng là năng thủ ư? Đây nên làm thuận câu sau đáp, các năng thủ cũng là sở thủ, có sở thủ chẳng phải năng thủ. Nghĩa là sắc v.v... năm cảnh là pháp xứ trừ tương ứng.

Hai câu, nghĩa là đối với câu hỏi nên dùng hai câu để đáp, không được có dư. Như có y uẩn kiến lập. y giới kiến lập mà phát lời hỏi rằng: Nếu uẩn số cũng là giới số ư? Lập giới số cũng là uẩn số ư?”. Đây nên làm hai câu để đáp: Hoặc uẩn số chẳng phải giới số nghĩa là sắc uẩn thức uẩn, vì sao? Vì có, không một giới toàn nhiếp tương sắc uẩn, hoặc làm nhiếp tương thức uẩn, hoặc giới số chẳng phải uẩn số, nghĩa là pháp giới.

Ba câu, nghĩa là đối với lời hỏi chỉ có ba câu đáp. Như có người hỏi: Nếu uẩn số cũng là xứ số? Lập xứ số cũng là uẩn số ư? Đây nên ba câu đáp: Hoặc uẩn số chẳng phải xứ số, nghĩa là sắc uẩn. Hoặc xứ số chẳng phải uẩn số, nghĩa là pháp xứ. Hoặc uẩn số cũng là xứ số gọi là thức uẩn ý xứ.

Điều sai nghĩa là ở trong uẩn và xứ quyết định không có.

Bốn câu, nghĩa là đối lời hỏi dùng bốn câu đáp. Như có người hỏi: Nếu thành tựu nhãn căn cũng là nhĩ căn ư? Giả sử thành tựu nhãn căn cũng là nhĩ căn ư? Nên bốn câu đáp: Câu đầu nghĩa là người điếc, nhãn căn đã sinh không bỏ. Câu thứ hai là người mù, nhĩ căn đã sinh không bỏ. Câu thứ ba là nhãn và nhĩ căn đã sinh không bỏ. Câu thứ tư là trừ sở tướng ở trên.

Câu đáng thuật, nghĩa là đối câu hỏi thuận vậy mà đáp, do lời như vậy gọi là hỏi đáng thuật. Như có người hỏi: Các vô thường đều là hành ư? Giả sử phải là hành đều vô thường ư? Nên thuật đáng đáp chỗ hỏi như vậy.

Câu ngăn dừng, nghĩa là đối với lời hỏi nếu không như vậy mà đáp, do nếu không như vậy nói ngăn dừng câu hỏi. Như có người hỏi: Ngoài uẩn các hành bao nhiêu để nhiếp ư? Nên ngăn dừng đáp: Ngoài uẩn không có hành.

Sớ: Đây y thí nghiệp địa.

Do y thí nghiệp địa, người, cho nên thuận câu sau. Đáp: Nếu y tập quán sáu đều là đốn tu, đều hỗ tương nhiếp.

Luận: Nếu y thuần tạp.

Đối Pháp quyển 12 có hai loại bốn câu. Bốn câu đầu như sớ, bốn câu thứ hai nói: Lại nữa tất cả hành thí đều hay sinh thí Ba-la-mật-đa chủng loại phước ư? Đây nên làm bốn câu: Câu đầu, nghĩa là chỗ hành bố thí không hồi hướng đại Bồ-đề. Câu thứ hai nghĩa là đối với thí Ba-la-mật-đa khuyến gắng, khen ngợi, tùy hỷ, vui mừng. Câu thứ ba, nghĩa là chỗ thực hành bố thí hồi hướng đại Bồ-đề. Câu thứ tư nghĩa là trừ các tướng ở trên. Tuệ v.v... cũng lại như vậy, bốn câu nên suy nghĩ.

Giải thích rằng: Câu đầu, thực hành bố thí chẳng sinh Ba-la-mật-đa loại phước. Câu thứ hai, sinh Ba-la-mật-đa, phước chủng loại nhưng chẳng phải hành bố thí. Câu ba câu bốn có thể biết.

Lại xét Nhiếp luận quyển 7, Vô Tánh giải thích nghĩa tướng nhiếp rằng: Là vì tướng kia, là nhiếp thể tướng, nghĩa là đây thí cùng kia thí lại hỗ tương nhiếp. Là vì tùy thuận, là nhiếp tùy thuận tín v.v... các pháp lành, thí v.v... thiện tâm sở tu, ở trong thí v.v... kia tùy chuyển. Tín v.v..., tức là các thiện, đại địa và niệm trụ đồng pháp Bồ-đề phần. Là vì Đăng lưu nên nhiếp Đăng lưu, nghĩa là vô tránh v.v... và mười lực v.v... đây là quả Đăng lưu đến bờ kia.

Luận: Mười quả này.

Xét Du-già quyển 78 ghi: Tất cả Ba-la-mật-đa quả gì dị thực? Phải biết đây cũng lược có sáu loại:

1. Được đại tài phú
2. Vãng sinh đường lành
3. Không oán không hoại có nhiều vui mừng
4. Làm chủ chúng sinh
5. Thân không nã hại
6. Có tông nghiệp lớn.

Vả lại dùng một quả dị thực để nói rõ, không chương được các thứ khác. Lại xét Nhiếp luận Vô Tánh giải thích rằng: Giàu sang nhiếp là thí được lợi thù thắng. Đại sinh nhiếp là giới được lợi thù thắng, đường lành thù thắng nhiếp cho nên gọi là đại sinh. Đại bằng đại thuộc nhiếp, là nhân được lợi thù thắng, bằng nghĩa là thân tộc, thuộc nghĩa là tôi tớ. Sự nghiệp rộng lớn Gia hạnh thành tựu nhiếp, nghĩa là siêng năng được lợi thù thắng, sự nghiệp rộng lớn nghĩa là luân vương, ở trong đó siêng năng cố gắng gọi là Gia hạnh, chỗ làm đều xong gọi là thành tựu.

Không các tánh nào hại, nhẹ mỏng trần cấu nhiếp, là Tinh lực sở đắc lợi thù thắng, do vì tự lực cảm được oai lực này khéo biết tất cả. Ngũ minh xứ nhiếp là tuệ được lợi thù thắng.

Luận: Đây cùng Nhị thừa có cộng bất cộng.

Nhiếp luận quyển 7 có bốn thứ thù thắng, rõ ràng cùng Nhị thừa có sai khác. Vô Tánh giải thích rằng: Thù thắng sai khác, nghĩa là các Bồ-tát đủ ba thứ giới, Thanh văn thừa chỉ có một thứ luật nghi thi-la, cho nên Bồ-tát đứng về thù thắng kia. Còn ba thứ thù thắng chuẩn theo đây nên biết, như sơ lược dẫn.

Luận: Định học có bốn.

Sớ phán phân định này chẳng phải Địa tiền được. Có nghĩa gạn hỏi: Cũng chưa thể nương, tuy lại thắng định phần nhiều nương thứ tư, vì cũng có thông nương các địa sinh. Lại không thể do Nhị thừa không chứng được Vô lậu này. Địa tiền Bồ-tát tất cả tu hành cũng chẳng phải cảnh Nhị thừa biết được. Giới và tuệ học đều thông Địa tiền, vì sao định học chỉ nói Địa thượng? Cho nên thông Địa tiền là thù thắng.

Biện rằng: Ý sớ không nói, nói định học chỉ chứng Vô lậu, nhưng nói rõ luận sở học bốn định chẳng phải tướng Địa tiền. Lại Nhị thừa không biết thông lậu và Vô lậu, nay chỉ lấy nghĩa không biết, chứng định Vô lậu chứ chẳng phải nói Hữu lậu tức họ đều biết. Lại xét Nhiếp luận nói rõ định sai biệt, bốn sai biệt sau nghĩa là đối trị, kham năng, dẫn phát, tác nghiệp, nếu chẳng phải Vô lậu, đâu có khả năng này. Cho nên biết luận kia y cứ Vô lậu định, ở đây nêu định đồng với luận kia, cũng đâu có lỗi. Lại ba học tùy y cứ một thuyết, đâu cần trách đó là một.

Sớ: Lại hay dẫn phát mười hạnh khó làm.

Xét luận kia ghi:

1. Tự thế khó làm: Thệ thọ nguyện vô thượng Bồ-đề.
2. Bất thối khó làm: Sinh tử các khổ không thể lui sụt.
3. Không trái khó làm: Tất cả hữu tình dù hành tà hạnh mà không bỏ.
4. Hiện tiền khó làm: Oán hữu tình sở hiện làm tất cả sự lợi ích.
5. Không nhiễm khó làm: Sinh ở thế gian mà không bị thế gian làm ô nhiễm.
6. Thắng giải khó làm: Ở trong Đại thừa rất sinh tín giải.
7. Thông đạt khó làm: Đủ hay thông đạt Bồ-đặc-già-la, pháp vô ngã.
8. Tùy giác khó làm: Đối với các lời sâu xa bí mật mà Như Lai đã

nói có thể tùy giác.

9. Không lìa không nhiễm khó làm: Không bỏ sinh tử mà không nhiễm.

10. Gia hạnh khó làm: Có thể an trụ giải thoát của chư Phật, tất cả chướng ngại cùng mé sinh tử không tác công dụng, thường khởi tất cả hữu tình, tất cả hành nghĩa lợi.

Luận: Ba tự tánh này.

Nhiếp luận quyển 8 có mười sáu môn, nay lược dẫn rằng: Trong đây trí vô phân biệt lìa năm thứ tướng để làm tự tánh. Bản luận như số. Vô Tánh giải thích rằng: Nếu không tác ý là trí vô phân biệt thì nhủ mê, say v.v... lẽ ra thành trí vô phân biệt. Nếu quá tầm tứ địa là trí vô phân biệt thì Tĩnh lực thứ hai trở lên các địa, tất cả dị sinh và Thanh văn v.v... lẽ ra thành trí vô phân biệt. Hoặc tưởng thọ diệt là trí vô phân biệt, trí này thể tướng khó có thể thành lập, trong vô tướng diệt lìa tâm không có các tâm khác, nếu như sắc kia là trí vô phân biệt, lẽ ra không được thành trí vô phân biệt. Thí như đại chủng tạo sắc, hoặc đối với chân nghĩa dị tướng chấp độ là trí vô phân biệt, trí này không thành tánh vô phân biệt, do đối với chân nghĩa dị tướng chấp độ, nói đây là chân, là vô phân biệt, là có phân biệt.

Hai là trí sở y, nghĩa là sở y của trí vô phân biệt chẳng phải nghĩa của tâm chẳng phải nghĩa của tư, cũng chẳng phải phi tâm làm sở y chỉ vì là tâm chủng loại. Dùng tâm làm nhân thường tu tập thế lực, dẫn được địa vị này gọi là tâm chủng loại. Đây tức hiển bày trí sở y tâm, vượt ra ngoài tất cả so lường phân biệt.

Giải thích: Tâm nói thông với mắt, tư chẳng phải suy lường. Ngoài lại riêng dùng tâm suy lường vặn hỏi, trong đáp y cứ hai thứ tâm kia, cho nên nói không y nương. Trí sở y tâm tuy không phân biệt, đây là vô gián trước, chủng loại của tâm cũng được gọi là tâm. Còn lại như số dẫn.

Ba là trí nhân duyên, bốn là trí sở duyên, năm là trí hành tướng, đều như số dẫn.

Sáu là trí sở trì, nghĩa là trong vô phân biệt Hậu đắc trí được các thứ hành của Bồ-tát, hành này đều dùng trí làm sở y.

Bảy là trí vô phân biệt, ai làm trợ bạn? Nếu chỉ có một lẽ ra không có sở năng, nghĩa là năm độ trước chia làm hai đạo, bốn cái đầu là đạo tư lương, một cái sau là đạo y chỉ làm năng trợ bạn.

Tám là trí vô phân biệt phải ở chỗ nào cảm quả dị thực, nghĩa là ở trong hội chư Phật biến hóa thọ dụng hai thân, đây chẳng phải là dị thực

nhân, vì hay trị nó, tức tăng thượng quả giả gọi là dị thực, do đây giúp huân các nghiệp Hữu lậu khiến cảm dị thực, cho nên lập tên này.

Chín là trí vô phân biệt ai làm Đẳng lưu? Nghĩa là trong tiền tiền sinh trí vô phân biệt, sinh xứ hậu hậu triển chuyển tăng tăng là quả Đẳng lưu.

Mười là trí vô phân biệt xa lìa thế nào? Nghĩa là Sơ cực hỷ địa khi nhập kiến đạo, thấy tất cả địa vô phân biệt, lý ban đầu được xuất lý. Sau địa vị tu đạo các địa mới thành.

Mười một là trí vô phân biệt ai là rốt ráo? Nghĩa là trong Sơ địa tuy được ba thân mà chưa thanh tịnh, đến địa thứ mười bèn được thanh tịnh mới gọi là rốt ráo.

Mười hai là trí vô phân biệt như theo đâu, do đâu, vì sao không nhiễm? Nghĩa là như hư không theo vô số cực ác, do tín tuệ giải dùng làm nhân mà được không nhiễm.

Mười ba là Gia hạnh, Căn bản, Hậu đắc ba thứ trí vô phân biệt có sai khác. Tụng rằng: “Như cầm cầu thọ nghĩa, như cầm chánh thọ nghĩa, như chẳng cầm thọ nghĩa, như ngu cầu thọ nghĩa, như ngu chánh thọ nghĩa, như chẳng ngu thọ nghĩa. như năm cầu thọ nghĩa, như năm chánh thọ nghĩa, như Mạt-na thọ nghĩa, như chưa hiểu về luận, cầu luận thọ pháp nghĩa, thứ lớp dụ ba trí, nên biết là Gia hạnh”.

Nghĩa gọi là cảnh nghĩa, ban đầu chưa thọ chưa nói, kể đến thọ mà chưa nói, sau thọ cũng nói. Năm thức v.v... là căn cứ vô không phân biệt và có phân biệt. Cầu luận v.v... là y cứ cầu ôn tập thông hiểu để biện. Ý thức nương ý gọi là Mạt-na.

Mười bốn là Căn bản và Hậu đắc hai trí sai khác. Tụng rằng: “Như người đang nhắm mắt, là trí vô phân biệt, khi họ mở mắt lại, Hậu đắc trí cũng vậy”.

Mười lăm là trí vô phân biệt thế nào là khéo làm việc lợi hữu tình? Tụng rằng: “Như vui trời Mạt-ni, không nghĩ thành việc mình, các thứ Phật sự thành, thường lìa tư cũng vậy”.

Mười sáu là trí vô phân biệt làm duyên phân biệt tánh y tha khởi, làm duyên các cảnh, tự thể cũng vậy, vì trí chẳng phải trí. Nếu duyên y tha vì sao được thành trí vô phân biệt? Nếu duyên cảnh khác, cảnh khác quyết định không, phải duyên thế nào? Là trí lẽ ra có sở tri, chẳng phải trí thì vì sao gọi là trí vô phân biệt? Nghĩa là trí vô phân biệt không duyên y tha, vô phân biệt cũng không duyên thứ khác. Duyên pháp tánh phân biệt này làm cảnh, pháp cùng pháp tánh chẳng phải là một là khác. Cho nên trí này không thể quyết định nói duyên cảnh phân

biệt, hay chẳng phải cảnh phân biệt. Tự thể cũng vậy không thể nói rằng quyết định là trí, như Gia hạnh, Hậu đắc vô phân biệt cũng chẳng phải phi trí, dùng trí Gia hạnh làm nhân đầu, trí này cùng cảnh không có tướng sai khác. Như hư không và tất cả ánh sáng trong hư không, cho nên trí này thành vô phân biệt.

Luận: “Như vậy ba tuệ” đến “thấy đều đã xả”.

Hỏi: Dưới nói Bồ-tát mỗi mỗi sát-na bốn đạo đều đủ có, vì sao nay nói trong kiến đạo v.v... không có Gia hạnh?

Đáp: Nếu đạo Gia hạnh thông lậu và Vô lậu, thì trí Gia hạnh chỉ là lậu nhiếp, cho nên không nêu, hoặc trí Gia hạnh cũng thông Vô lậu, nay y lậu mà nói cũng không trái nhau.

Luận: “Địa thứ tám trở đi” đến “hiện chỉ có Vô lậu”.

Hỏi: Địa thứ tám trở về trước, thiện trong năm thức cũng chẳng phải Vô lậu, vì sao thí v.v... chỉ là Vô lậu?

Đáp: Thiện trong năm thức đã chẳng phải tăng thắng, chẳng phải lập làm độ cho nên không trái nhau.

Luận: Mười nghĩa này loại sai khác vô biên.

Xét luận Du-già quyển 78 rộng có các môn cho nên chỉ nó. Nay lược dẫn rằng: Tổng nói tất cả tướng Ba-la-mật-đa thanh tịnh, phải biết bảy loại:

1. Bồ-tát đối với các pháp không cầu người biết.
2. Đối với pháp này thấy mình không sinh chấp.
3. Tức nơi các pháp như vậy không sinh nghi hoặc, nghĩa là nghi có được đại Bồ-đề hay không.
4. Trọn không khen mình chê người, có sự khinh miệt.
5. Trọn không kiêu ngạo phóng dật.
6. Trọn không vì được chút ít mà sinh vui mừng.
7. Trọn không do các pháp này mà đối với người khởi tật đố tham tiếc.

Lại nói, không tánh nhiễm trước, không tánh luyến tiếc, tánh thẳng hồi hương rất là rộng lớn. Tánh không tội lỗi, tánh không phân biệt, không có ô nhiễm, suy nghĩ lựa chọn việc làm rất là rõ ràng, đã vào địa pháp không thối chuyển gọi là không thể động. Nếu Thập địa nhiếp, Phật địa nhiếp gọi là tối thanh tịnh.

Lại nói, nhân duyên gì Bồ-tát được Ba-la-mật-đa, các quả đáng ưa, và các Dị thực thường không có hết, Ba-la-mật-đa cũng không có hết? Nay Thiện nam tử! Vì lần lượt nương nhau sinh khởi tu tập không gián đoạn.

Lại nói, phải biết tất cả Ba-la-mật-đa đều có bốn thứ uy đức tối thắng:

1. Đối với Ba-la-mật-đa này khi đang tu hành có thể bỏ tâm tham tiếc, phạm giới, giận dữ, biếng nhác, tán loạn, kiến thú sở trị.

2. Đối với khi đang tu hành có thể làm tư lương chân thật của vô thượng chánh đẳng Bồ-đề.

3. Đối với khi đang tu hành, ở trong hiện pháp có thể tự nhiếp thọ lợi ích hữu tình.

4. Đối với khi đang tu hành, ở đời vị lai có thể được các quả dị thực rộng lớn vô tận rất đáng ưa.

Lại nói, phải biết tất cả Ba-la-mật-đa, lấy đại bi làm nhân, các quả dị thực vi diệu đáng ưa nhiều ích tất cả hữu tình làm quả viên mãn, Bồ-đề rộng lớn vô thượng làm đại nghĩa lợi.

Lại nói, do Bát-nhã Ba-la-mật-đa hay chứng tánh không tự tánh của các pháp.

Luận: Nương chủng kia lập tánh dị sinh.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao ngu tướng ở sau liền nói chấp trước ngã pháp ngu là đều sinh tánh chướng? Lẽ nào ngu này chỉ căn cứ chủng bàn luận?

Đáp: Tánh hẹp chướng rộng, tánh dị sinh chướng liền thông chủng và hiện. Nghĩa là tánh dị sinh và tánh dị sinh chủng loại hiện hành tổng gọi là dị sinh tánh chướng, cho nên không trái.

Sớ: Quyển 66 lập năm Vô ký.

Nghĩa là di thực v.v... là bốn, thêm một tự tánh nữa. Thế tự tánh, nghĩa là các sắc căn trường dưỡng và tất cả sắc bên ngoài v.v... chẳng phải dị thực sở nhiếp, trừ thiện, nhiễm ô sắc xứ, thanh xứ.

Sớ: “Như thật nghĩa” đến “gọi là tự tướng”.

Tổng nêu rõ tự tướng và cộng tướng trong Nhân Minh. Chỉ có tâm phân biệt an lập mới gọi là cộng tướng, nếu phi an lập, giả sử hư không, vô thường v.v... trong uẩn đều gọi là tự tướng, mỗi mỗi đều giá nương vào tự sở y, vì uẩn không thông các thứ khác, tức vô thường v.v... cũng gọi là thật nghĩa, vì khác với tâm phân biệt sở lập kia.

Hỏi: Trong kinh nói hai tướng nghĩa kia thế nào?

Đáp: Thế của năm uẩn v.v... gọi là tự tướng, vô thường, khổ, vô ngã v.v... trong uẩn gọi là cộng tướng. Tuy mỗi mỗi uẩn vô thường v.v... sai khác mà kia đây tương tự để lập tên cộng, không nói tán tâm phân biệt an lập gọi là cộng tướng, cho nên so với Nhân Minh không đồng.

Hỏi: Hai sư trước sau, nghĩa vì sao lại khác?

Đáp: Đại ý là đồng, rộng lược là khác. Ý nói trong kinh cùng sư trước đồng, chỉ nêu bày Nhân Minh có khác trước. Nhưng trong số nói rằng Nhân Minh luận kia đây không đồng là đều nương Phật Địa mà nêu nghĩa, hai tướng của Nhân Minh luận, kết cùng kinh khác thì nghĩa kinh khác giống với sư trước lại không nói. Cho nên luận Phật Địa nêu Nhân Minh mà tổng kết rằng kinh này không như vậy, cho nên không trái nhau.

Luận: Đoạn hoặc, chứng diệt, kỳ hạn tâm riêng.

Hỏi: Nếu Vô gián đạo không chứng diệt, vì sao nói trí vô phân biệt kia là duyên lý trí?

Đáp: Lý sở duyên chỉ có Chân như không gọi trạch diệt, vẫn có thô trọng mà chưa đoạn.

Hỏi: Nếu vậy đoạn hoặc chứng diệt sai khác, vì sao ở sau nói Bồ-tát lợi căn sát-na sát-na đoạn hoặc chứng diệt?

Đáp: Luận kia y dị phẩm mong nhau mà bàn, đây căn cứ một phẩm cho nên không cùng nêu.

Sớ: “Vô gián đạo thô” đến “vì giải thoát được tự tại”.

Có nghĩa giải thích rằng: Vô gián đạo khi phục thọ v.v... các thứ vị Giải thoát đạo trừ thô trọng kia.

Sớ: Cũng hiển sở tri chướng đoạn, không được Vô vi.

Biện rằng, nay thêm một giải thích, đoạn sở tri chướng cũng được Vô vi, như Hiền Dương ghi: Tướng thọ, bất động hai thứ Vô vi, nếu đoạn chướng được trạch diệt sở nhiếp thì chướng kia tức sở tri chướng nhiếp. Lại luận này đoạn sau nói rằng: Thừa nhận vô trụ xứ cũng là trạch diệt nhiếp. Kinh nói ba Thừa không sai khác nhưng y lìa ràng buộc đoạn phiền não mà nói, cũng không trái nhau.

Luận: Như nhập hai định nói đoạn gốc khổ.

Tức khổ thọ trong Dục giới dẫn tánh không an ổn gọi là khổ thô trọng. Sức sơ định kém chưa thể phát sinh hỷ lạc và khinh an thù thắng, chưa khắp vui mừng cho nên chưa thể đoạn khổ thô trọng kia. Hai định trái nhau cho nên nó mới đoạn. Lại luận Bà-sa quyển 81 ghi:

Hỏi: Khi lìa dục nhiễm đoạn ái và khổ, Khế kinh vì sao nói định thứ hai lại diệt khổ?

Đáp: Y đối trị lỗi cho nên nói như vậy, nghĩa là lìa dục, nhiễm tuy đoạn gốc khổ mà chưa gọi là qua khổ đối trị. Ở Sơ tĩnh lự khi được lìa dục, quá khổ đối trị cho nên nói khổ diệt khổ đối trị nghĩa là sơ định, rộng như luận kia đã dẫn.

Luận: Lại mười vô minh.

Xét Nhiếp luận ghi: Do đối mười tướng pháp giới sở tri, có mười vô minh sở tri chướng trụ.

Giải thích: Do mười tướng kia hiển Chân như gọi là mười tướng pháp giới. Lại nói, nên biết vô minh như vậy đối với Thanh văn v.v... chẳng nhiễm ô, đối với các Bồ-tát là nhiễm ô. Tên của mười vô minh mỗi mỗi như sau trong số đã nêu, chuẩn theo đây nên biết. Dị sinh tánh chướng chẳng phải mười vô minh, do dị sinh tánh chẳng phải Vô ký, cho nên chẳng phải chỉ có trí chướng.

Sớ: Hoặc có chín.

Như trong Sơ địa chỉ đoạn kiến hoặc, nhưng lại không đoạn hoặc của tu đạo, tu đạo chỉ nên có ở chín địa, vì sao luận nói tu đạo Thập địa?

Luận: Bốn chướng vi tế phẩm sau cùng.

Đủ như sơ biện. Có nghĩa gạn hỏi rằng, nên nói địa địa phẩm thứ chín nhiếp, không nên nói là ba phẩm trung hạ.

Biện rằng: Kiến v.v... các hoặc phẩm thứ chín, tất cả lẽ ra là chướng vi tế này, vì là hạ phẩm. Đã có lẫn lộn này cho nên ba phẩm của sơ ngăn lựa chọn rất khéo.

Luận: Hai thân kiến.

Hai giải thích như sơ. Có nghĩa trong pháp chấp, có ngã và có ngã sở hai thân kiến.

Biện rằng: Tuy Tát-ca-da tổng nhiếp ngã sở, xem thế văn này không lấy phẩm ngã sở, vì sao? Đáp: Rõ ràng hai kiến đã hỏi, làm sao biết chỉ có thứ sáu đồng thời? Đã cùng thứ bảy đối nhau hỏi đáp, thức thứ bảy lẽ nào thừa nhận có ngã sở kiến? Do đây cho nên giải thích thứ hai của sơ là trội hơn.

Sớ: “Dùng mười thứ phương tiện trí” đến “để nhập”.

Nhập Địa thứ bảy, mười phương tiện trí kia rộng không chép.

Luận: “Vào Thập địa” đến “sở hàm tàng”.

Hỏi: Tất cả công đức trong hậu hậu địa, trong tiền tiền địa cũng được cả chăng?

Đáp: Cũng thừa nhận được, cho nên luận Du-già quyển 48 ghi: Nói như vậy, chi phần công đức trong hậu hậu địa chẳng phải tiền tiền trụ tất cả đều không, nhưng hạ phẩm cho nên không tùy số kia. Phải biết tức nó triển chuyển tu tập thành trung hạ phẩm, đối các địa sau chứng được đầy đủ mới kiến lập.

Sớ: Trong này ý nói đã đoạn xứ.

Hỏi: Nếu căn cứ đã đoạn phiền não lẽ ra cũng nói là Như Lai vị.

Nếu nương chánh đoạn sở tri lẽ ra cũng ở tâm Kim cương, vì sao không đồng?

Đáp: Hai chương trong Đại luận y cứ ảnh mà lược mà nói. Nói hai chương kia, một ở Kim cương, một ở Như Lai địa, cũng không trái nhau.

Luận: Trong chân kiến đạo tất cả đều đốn đoạn.

Dù ba tâm kiến đạo cũng đốn đoạn, cho nên luận Du-già quyển 59 ghi: Kiến đạo đoạn, phiền não, đốn đoạn chẳng phải dần đoạn, vì sao? Do vì hiện quán trí đế, hiện quán có thể đoạn sở đoạn phiền não của kiến đạo. Nhưng hiện quán này cùng hoại duyên đế tác ý tương ứng, cho nên ba tâm đốn đoạn tất cả mê, khổ đế v.v... kiến đạo đoạn phiền não.

Sớ: Vẫn không thừa nhận chín Vô gián đạo vào căn bản định.

Thứ lớp Na-hàm đoạn chín phẩm dục vô gián, đều y Vị chí định khởi.

Luận: “Thông duyên trong ngoài” đến “có đông nhiều”.

Có nghĩa gạn hỏi sở mà tự giải thích rằng: Nay giải thích chung phiền não, sở tri, sáu thức đồng thời là lý do dần đoạn, như Thức thứ bảy ở trước đều giải thích lý do đốn đoạn hai chương, cho nên biết văn này kết hợp giải thích lý do dần đoạn hai chương, nếu không như vậy phiền não vì sao không giải thích?

Biện rằng: Thức thứ bảy hai chương đốn đoạn không sai, kể đến đều nêu rõ lý do đốn đoạn. Sáu thức hai chương trước sau phân biệt rõ, căn cứ trong phiền não lớn nhỏ có khác, nhỏ tiệm lớn đốn. Kể đến nêu rõ sở tri chỉ là lớn chỉ là tiệm, sau mới giải thích lý do nó dần đoạn. Thế văn đã cách nhau đâu được cùng giải thích tiệm nhân phiền não? Lại phiền não chương, Bồ-tát đốn đoạn, văn đã tự nêu, nói duyên trong ngoài làm sao hiển đốn ngược lại rõ tiệm? Do đây chỉ biện lý do tiệm sở tri, chỉ bày thô cạn mà thôi.

Luận: Quyết mỗi riêng khởi vô gián.

Hỏi: Bốn nghĩa thế nào?

Đáp: Xét luận Đối Pháp quyển 9 ghi: “Gia hạnh đạo, nghĩa là do đạo này có thể bỏ phiền não, vì sao? Do khi chánh tu đạo như vậy có thể dần các thượng phẩm riêng khác v.v... các phiền não sở sinh, phẩm loại thô trọng một phần dần được chuyển y.

Vô gián đạo, nghĩa là do đạo này không ngừng hằng đoạn phiền não khiến không còn thừa, vì sao? Do Vô gián đạo này có thể hằng trừ bỏ phẩm loại thô trọng do phiền não sinh, khiến không còn thừa. Lại

chuyển thô trọng y được không thô trọng.

Giải thoát đạo, nghĩa là do đạo này chứng đoạn phiền não, được giải thoát, vì sao? Do đạo này có thể chứng hằng đoạn phiền não được chuyển y.

Thắng tấn đạo, nghĩa là đoạn trừ phẩm phiền não, tất cả Gia hạnh, vô gián, giải thoát đạo này gọi là thắng tấn, vì sao? Vì đoạn các phiền não hậu phẩm này có được Gia hạnh, vô gián, giải thoát, mong phẩm thù thắng này gọi là Thắng tấn đạo.

Giải thích: Sở đoạn thô trọng tức chủng tử của hoặc, hoặc không kham nhận. Nói chuyển y tức Thức thứ tám, hay là một phần thô trọng trên thức gọi đó là chứng đắc. Hoặc tánh thành thật cũng là chuyển y, nghĩa chứng đồng như trước.

Lại xét Câu-xá ghi: Vô gián đạo là căn cứ đoạn hoặc được vô chướng ngại.

Giải thích: Do đoạn hoặc mà được khiến không đi đến mà sinh, không có sức có thể ngăn ngại Thánh đạo, khiến không chứng diệt, gọi là Vô gián đạo. Do Giải thoát đạo đã đến sinh tướng, quyết định hiện khởi hay chứng diệt. Đã giải thoát hoặc được cùng lìa ràng buộc đồng thời khởi.

Giải thích: Đã giải thoát, được cùng Ly hệ đồng thời mà sinh, chính là chứng quả Ly hệ, cho nên gọi là giải thoát, dụ như thế gian đuổi giặc đóng cửa. Cho nên tùy phẩm nào phải đủ hai đạo, khác với Đại thừa, như trước đoạn hoặc chứng diệt đã giải thích riêng.

Sớ: Đây y thừa nhận, nếu không như vậy liền trái Đối Pháp.

Thừa nhận thắng tấn mà liền riêng khởi, chẳng phải thừa nhận là dùng mỗi mỗi phẩm Gia hạnh, Vô gián, Giải thoát ba đạo làm Thắng tấn đạo. Đối Pháp nói cho nên ý trái có thể biết.

Sớ: “Nếu riêng riêng đoạn” đến “cho nên đủ bốn đạo”.

Bàn thể một trí y cứ nghĩa không đồng, chia làm bốn đạo. Thừa nhận, hân cầu tức là nghĩa của Thắng tấn, Gia hạnh.

Sớ: Tức là riêng riêng mong trước.

Đây hiển luận kia y cứ Bồ-tát riêng khởi đạo mà nói, cho nên nói ba loại sau là Thắng tấn của trước, cùng luận này sai khác.

Sớ: “Lại nói” đến “tức Nhị thừa”.

Lại kết hợp Đối Pháp, sau nói rõ Thắng tấn y Nhị thừa mà nói. Xét luận kia ghi: Lại bỏ trừ đoạn phiền não Gia hạnh, hoặc siêng năng phương tiện tư duy các pháp, hoặc siêng năng Gia hạnh an trụ các pháp, hoặc tiến tu các Tam-ma-bát-đề, tất cả đạo gọi là Thắng tấn đạo. Thích

luận ghi: Lại nữa là hiển các nghĩa khác. Xả đoạn phiền não, các Gia hạnh đạo, chỉ chánh tư duy các pháp Khế kinh, hoặc lại ở trước trong sở tư duy, sở chứng pháp an trụ quán sát, hoặc lại tiến vào thắng phẩm định. Các điều như vậy gọi là Thắng tấn đạo.

Giải thích: Rõ ràng chẳng phải đoạn hoặc, các Thắng tấn đạo lựa chọn đoạn hoặc Thắng tấn đạo, cho nên nói bỏ xả đoạn phiền não hành. Các văn có thể xét biết.

Sớ: Hoặc gồm thông ba Thừa.

Nêu lại hai văn của Đối Pháp đều thông ba Thừa mà nói.

Sớ: “Nay đã luận” đến “là Thắng tấn trước”.

Hiển luận này nói Thắng tấn của Nhị thừa. Nói hoặc tổng nêu nghĩa là đồng hậu phẩm ba đạo của Đối Pháp kia đều là Thắng tấn trước.

Sớ: “Nếu không như vậy” đến “vì là thắng tấn”.

Lại hiển luận này hoặc tổng biệt nói không đồng Đối Pháp đứng về phẩm sau mà nói. Nếu không như vậy là sơ phẩm đến tất cả phẩm đạo sau đều thù thắng hơn ở trước. Đây tức không có, chẳng khởi hoặc biệt hoặc tổng hai Thắng tấn đạo, đã không như vậy sẽ không đồng luận kia. Hoặc nói tổng là nêu không nhất định, nghĩa như số đã biện. Đối Pháp không nói hoặc tổng biệt, thừa nhận có khi không khởi Thắng tấn đạo.

Sớ: Được mười ý lạc bình đẳng tịnh tâm.

Xét luận Thập Địa quyển 7 ghi:

1. Phật quá khứ bình đẳng tâm nhiếp tịnh
2. Phật vị lai
3. Phật hiện tại
4. Giới định
5. Tâm tịnh
6. Trừ kiến nghi hối tịnh
7. Đạo phi đạo trí tịnh
8. Hạnh đoạn trí tịnh
9. So lường tất cả pháp Bồ-đề phần thượng thượng tịnh
10. Hóa độ tất cả chúng sinh tịnh.

Luận kia giải thích: Ở trong bình đẳng tâm được thanh tịnh là pháp chư Phật và tùy thuận pháp chư Phật, nghĩa là tâm thứ nhất chư Phật ba đời mười phương tức là pháp chư Phật, bảy tâm còn lại tùy thuận pháp chư Phật. Phật pháp nhân giới, định, trí tuệ này giáo hóa chúng sinh thành tựu, giới tức thứ tư, định tức thứ năm. Tâm thứ sáu, bảy, tám, chín,

gồm trí tịnh nhiếp.

Giải thích: Đối với Tam bảo lìa tâm nghi hoặc, biết Phật nói đạo có thể xuất ly, ngoài đạo chẳng phải đạo không thể xa lìa. Lại cho là ta nên đoạn hạ trung hành, mà phát khởi thánh hành thượng diệu, như thứ tự là tướng sáu, bảy, tám kia.

Sớ: Bất hành, Khế kinh v.v... trong vô số pháp tướng.

Do vì biết pháp vô tướng, không vì có tướng hành. Đối Khế kinh v.v... trong các pháp tướng, xem Khế kinh v.v... là có tướng.

Luận: Tám không tăng giảm Chân như.

Như sơ biện đủ. Nhiếp luận, Trung Biên cùng này đồng khác, có nghĩa tự giải thích, lại gạn hỏi sơ rằng: Ban đầu nên chánh đồng như Thế Thân nói, vì nghĩa không sai khác. Giải thích sau của Vô Tánh cũng đồng với đây, không thể như sơ nói đây kia sai khác.

Biện rằng: Mới xem qua dường như đồng, xét cùng lý thì có hơi khác. Nhiếp luận thẳng y cứ đoạn nhiếp được tịnh, rõ ràng không tăng giảm. Đây căn cứ lìa chấp nói rõ không có tăng giảm, liền đồng Trung Biên. Do chứng như đây mà lìa nơi chấp, không thấy một pháp lại có tăng giảm. Nếu sở kiến của họ là pháp không từng tăng giảm để hiển Chân như. Chân như không tăng giảm là Y chủ thích, do đây mà nói ý sơ rất xa.

Luận: Tức đây cũng gọi là tướng tự tại.

Hỏi: Tướng tự tại này tức trong bốn tự tại của Trung Biên, thuộc về vô phân biệt, vì sao tướng này gọi là vô phân biệt?

Đáp: Vì trí vô phân biệt khởi, từ nhân mà gọi. Luận này nói tướng là y quả mà gọi, cho nên không trái nhau.

Luận: Hữu lậu từng tu tập.

Hỏi: Do đâu từng tu tập không thể đoạn hoặc?

Đáp: Nói từng tu tập là từng chứng đắc. Đạo từng tu tập này nếu có thể đoạn, đã lẽ ra hai chương từ vô tử không thành. Do đạo năng trị trước đã khởi, tuy đạo từng đắc mà chương không mất, cho nên biết từng tu tập chẳng phải năng đoạn.

Sớ: “Nhưng căn cứ duyên ràng buộc” đến “có thể nói địa đoạn”.

Hiện sở tri chương mà không thể nói thượng, hạ, tự, tha đoạn sai khác. Do chẳng phải tương ứng, sở duyên ràng buộc không đồng hoặc chương.

Sớ: “Đây tức ở dưới đoạn trên” đến “chẳng phải pháp ràng buộc”.

Ở đây nói tức là sở tri chương. Nói chẳng phải nhuận sinh, chẳng

phải pháp ràng buộc là hiển phiến nào khác, cho nên ở trên dưới tùy đoạn dưới trên, lý cũng không trái.

Sớ: “Lại giải thích” đến “loại lẽ ra cũng như vậy”.

Loại đồng phiến nào, đoạn có thứ lớp.

Sớ: “Tức hai chương” đến “mỗi mỗi có bốn câu”.

Do loại sở tri chương đồng phiến nào đoạn có thứ lớp, cho nên tương sáu và bảy của sở tri chương mong nhau cũng thành bốn câu. Bốn câu tác pháp đồng phiến nào mà nói, chỉ đổi tên của nó, suy nghĩ có thể biết.

Luận: “Tất cả hữu tình” đến “có thể nói đủ bốn”.

Hỏi: Vô trụ Niết-bàn, Bồ-tát chứng chẳng?

Đáp: Trong truyện có hai giải thích:

1. Không được. Luận này nói vì ra khỏi sở tri chương mà chứng đắc, nếu vậy Nhiếp luận nói làm sao để hiểu? Luận kia cho là vì Bồ-tát có vô trụ.

Giải thích: Vô trụ Niết-bàn do Bồ-tát chứng chẳng phải kia đã được. Như vị tu tập nói được chuyển y chẳng phải đã được.

2. Thừa nhận được. Phần đoạn sở tri hiển Chân như là sở y của bi trí. Có nghĩa xác quyết rằng: Nay y giải thích trước nói ra khỏi phiến nào được sở y khác cần phải toàn xa lìa. Nói ra khỏi sở tri chương được vô trụ xứ, rõ ràng chẳng phải nhân được.

Biện rằng: Giải thích sau là thù thắng. Nói ra khỏi sở tri lại có hai nghĩa: Một là hoàn toàn ra khỏi gọi đó là ra. Ở đây nói người thù thắng là hiển bày Bồ-tát, nói các y khác là nêu Nhị thừa để hiển nơi Phật. Hai là từng phần hay hoàn toàn đều gọi là ra. Cũng như tam Thừa, kiến đạo, tu tập, Vô học tam Vô lậu đạo đều gọi là xuất thế. Do đây có chỗ khác nói chương hằng vắng lặng, vô trụ thì không như vậy, nếu muốn chương hết thì lẽ ra đồng như luận kia nói chương hằng vắng lặng, đã không như thế, cho nên khác với trước, không thể làm dụ.

Lại do bi trí không trụ nơi hai, lý sở chứng gọi là vô trụ xứ, Địa thứ năm đã đoạn trái với ngu sinh tử vui Niết-bàn, mà do chứng lý vô sai khác kia, điều này lẽ đâu không gọi là nghĩa vô trụ? Huống gì Nhiếp luận nói là có, lẽ nào tùy tình mình mà gượng nói thông thánh giáo?

Luận: “Nếu Thanh văn” đến “nói kia chẳng có”.

Xét kinh Thắng Man ghi: A-la-hán, Bích-chi-phật sinh pháp hữu dư bất tận, cho nên có sinh.

Giải thích: Rõ ràng ngã sinh đã tận, trí không rốt ráo, liền biết khổ trí, biết khổ trí có hai: một là biết phần đoạn, hai là biết biến dịch.

Nhị thừa đoạn, ban đầu chưa đoạn biến dịch cho nên nói có sinh, có các phạm hạnh khác thành cho nên không thuận.

Giải thích: Phạm hạnh đã lập không rốt ráo tức chứng diệt trí. Niết-bàn gọi là Phạm, chứng nhân Phạm gọi là phạm hạnh, phạm hạnh có hai:

1. Phần đoạn nhân hết hiển Hữu dư y, phần đoạn quả hết hiển Vô dư y.

2. Quả biến dịch hết hiển Vô dư y, Vô lậu y còn hiển Hữu dư y.

Nhị thừa định tánh và bất định tánh, ở trong thứ nhất trước được có toàn phần, không được thứ hai, tuy có sở thành mà làm nhân quả biến dịch, nhân quả tạp cho nên gọi là không thuận, sự không rốt ráo cho nên sẽ có sở tác.

Giải thích: Chỗ làm đã xong không rốt ráo là trí tu đạo. Tu đạo có hai: một là trị phần đoạn, hai là biến dịch. Nhị thừa chỉ tu phần đoạn đối trị, còn các trị khác chưa tu, cho nên sự không rốt ráo. Vì sự không rốt ráo nên phải có sở tác, không vượt qua kia cho nên phải có sở đoạn.

Giải thích: Không thọ quả báo đời sau chẳng rốt ráo. Đây là trí đoạn tập, sở đoạn có hai: một là nhân phần đoạn, hai là biến dịch. Nhị thừa đoạn nhân ban đầu và thứ hai gọi là không qua bờ kia, không qua bờ kia cho nên cần phải đoạn. Vì không đoạn nó, cho nên nói cách quả Niết-bàn xa.

Giải thích: Do bốn trí trước đều không rốt ráo, cách đại Niết-bàn của Như Lai rất xa, nêu trí thứ tư hiển ba trí trước.

Luận: Chẳng phải trạch diệt nhiếp nói là tạm lìa.

Tức luận Hiển Dương quyển 18 ghi: Nghĩa là phi trạch diệt v.v... bốn loại Ly hệ, nghĩa là duyên giải thoát rốt ráo là Ly hệ, chọn lựa phiền não rốt ráo là Ly hệ, khổ vui tạm thời là Ly hệ, tâm tâm pháp tạm thời là Ly hệ. Giải thích phi trạch, trạch diệt, bất động, thọ tướng, như thứ lớp làm bốn. Hai loại sau đã nói là tạm thời là Ly hệ, rõ ràng là trong bốn thứ phi trạch diệt nhiếp.

Sớ: “Đối Pháp” đến “không thể làm vãn hồi”.

Đây ngăn vãn hồi. Ý vãn hồi cho rằng, xét Đối Pháp ghi: Có hai thứ nên đoạn pháp, nghĩa là các phiền não và sở y thọ này. Thọ có hai loại, nghĩa là biến dịch và không biến dịch, như thứ lớp khổ vui chẳng khổ vui kia. Phải biết phiền não đoạn cho nên kiến lập trạch diệt. Hai thọ đoạn cho nên như thứ lớp kiến lập bất động và tướng thọ diệt kia. Đã nói đoạn thọ được hai Vô vi, hai Vô vi như thế nào? Không là trạch diệt nhiếp ư? Ý sở giải thích chủng đoạn hiện dứt đều gọi là đoạn. Thọ

v.v... y cứ hiện tạm nên không hành, nếu không như vậy thì ở trong trạch diệt vì sao không nhiếp bất động và tướng thọ kia? Đã khai không nhiếp, rõ ràng chẳng phải là trạch.

Sớ: Không đồng Hữu lậu.

Ngăn tông Tiểu thừa chống chế, tông Tiểu thừa chống chế rằng: Tông Đại thừa của ông Hữu lậu đoạn hoặc cũng chỉ chẳng phải trạch, vì sao trách ta bất nhiếp vô tri được phi trạch diệt? Ý đáp dễ biện.

Luận: Nhiếp quán vô lượng.

Điều giải thích như sớ. Có nghĩa quán là tên quán, tức là niệm trụ v.v... vì nó có thể giữ gìn niệm trú quán. Luận Phật Địa ghi: Nếu đứng về tướng thô, Diệu quan sát trí nhiếp, Tứ niệm trụ quán sát tất cả thân, độ các pháp.

Biện rằng: Lý đã nhiều đường, hai nghĩa đều được.

Sớ: Nay nói vị nhân quả thông.

Nay là nói thông hai vị nhân và quả, đều có hai mươi hai. Tâm và tứ chỉ có nhân không thông quả, cho nên không nói.

Luận: Chuyển Hữu lậu này có năm, sáu, bảy, tám.

Hỏi: Luận Trang Nghiêm tụng rằng: “Thức tám, bảy, sáu, năm; như thứ lớp mà được”, tức chuyển năm thức thành Diệu quan sát, vì sao lại trái nhau?

Đáp: Phật Địa quyển 3 có hai sự giải thích, nghĩa đồng với đây. Sự thứ hai nói: Chuyển Thức thứ sáu làm Thành sở tác trí, chuyển năm thức trước thành Diệu quán sát trí. Chánh nghĩa phá rằng: Đây không nên vậy, vì chẳng có thứ lớp. Chuyển pháp trừ nghi ra thì cùng khắp Quán sát chẳng phải dụng của năm thức.

Giải thích: Ý sự thứ hai đồng với luận Trang Nghiêm, chánh là hiển luận Trang Nghiêm kia nói chẳng phải thứ lớp, cho nên không trái nhau.

Luận: Trí tuy chẳng phải thức.

Phật Địa quyển 3 đại ý đồng với đây, nhưng giải thích hơi rộng hơn, và hiển tương ứng tổng gọi là trí. Luận kia nói bốn trí như vậy chuyển pháp nào được? Nhiếp Đại Thừa nói chuyển thức uẩn được. Vì sao chuyển tâm mà được tâm pháp? Chẳng phải được tâm pháp vì bốn tâm trí Vô lậu tương ứng giả gọi là trí, cho nên luận hỏi: Chánh trí phải nói là thật có hay phải nói là giả có? Đáp: Phải nói đều có. Trong này trí là thật có, nếu trí quyền thuộc của các tâm, tâm pháp cũng gọi là trí, nói đó là giả, cho nên có hai loại. Trong này Vô lậu tâm, tâm pháp các trí làm chủ, cho nên đều gọi là trí, chuyển thức uẩn y được bốn trí Vô

lậu tương ưng tâm, nghĩa là Đại viên cảnh tâm nhấn đến Thành sự tác tâm.

Sớ: “Vì sao Thức thứ tám” đến “thứ năm thì không như vậy?”,

Đây vặn hỏi giải thích ban đầu. Vì sao do thức thứ tám duyên ở định sắc? Định sắc dẫn cho nên sở biến tức thuộc pháp xứ định sắc. Năm thức cũng duyên định sắc làm chất, sở biến tức chẳng phải thuộc về pháp xứ sắc.

Sớ: Năm gọi là tán năm thường duyên.

Đây là lời đáp. Một là tánh tán động, hai là thường duyên năm trần làm cảnh, không đồng Thức thứ tám, cho nên sở biến sắc thuộc về năm trần.

Luận: Lại đây là thường v.v...

Có nghĩa luận nói, sở y thường nghĩa là cảnh sở duyên. Do vì cảnh thường giả nói trí thường, cho nên kinh Niết-bàn ghi: Thầy của chư Phật là pháp, do pháp thường cho nên chư Phật cũng thường. Nói không đoạn tận là tổng giải thích bốn trí là nghĩa thường. Tương tục không gián đoạn cho nên gọi là vô đoạn. Hậu tế không có cho nên gọi là vô tận, không cần riêng phối ba thân mà nói.

Biện rằng: Tuy luận này chánh căn cứ bốn trí nói đoạn tận, nhưng thân thể lìa bốn trí là không, cho nên không đoạn tận, tổng phối hợp nơi thân, lý lẽ ra cũng khéo. Trang Nghiêm luận có thuyết này.

Luận: Pháp thân như vậy có ba tướng sai khác.

Hỏi: Ba thân như vậy Phật Phật đồng thể, thường hay vô thường?

Đáp: Tự tánh thân đồng, nghĩa các thân đồng, cũng được gọi là đồng, tuy đều nói là thường nhưng thường có sai khác. Cho nên luận

Trang Nghiêm ghi: Ba thứ thân kia chư Phật thấy đều bình đẳng vì do y, cho nên tất cả chư Phật tự tánh thân bình đẳng vì pháp giới không sai khác. Do tâm cho nên tất cả chư Phật sắc thân bình đẳng, vì Phật tâm không khác. Do nghiệp cho nên tất cả chư Phật hóa thân bình đẳng, vì đồng một sở hóa cho nên tất cả chư Phật đều đồng thường trụ. Do vì tự tánh thường nên tất cả chư Phật tự tánh thân thường, vì rốt ráo Vô lậu. Do vô gián thường nên tất cả chư Phật sắc thân thường trụ, vì nói pháp không dứt đoạn. Do tương tục thường nên tất cả chư Phật hóa thân thường trụ, tuy ở đây diệt lại hiện ở kia.

Luận: Hai tha thọ dụng do bình đẳng thị hiện.

Trong truyện có ba giải thích:

1. Quán sát kích phát Bình đẳng cho nên thị hiện.
2. Bình đẳng kích Viên cảnh trí mà khiến thị hiện, do nó năng kích

phát nên nói là bình đẳng hiện.

3. Bình đẳng tự có thể thị hiện, không nhờ tha kích phát cũng không kích phát tha.

Biện rằng: Giải thích sau là chính. Đã là trí tự tại chẳng phải chỉ có căn bản, hiện tướng thân cội, lý nào không thể. Giải thích thứ hai lý thông vì cảnh trí là gốc, giải thích thứ nhất là sai.

Luận: Ba biến hóa thân đến các sự lợi lạc.

Hỏi: Luận Du-già quyển 79 nói Địa tiền Bồ-tát không sinh tịnh độ, Nhiếp luận cũng nói người sinh tịnh độ là ý khác thời, vì sao nay lại nói hóa ở tịnh độ vì chưa lên Bồ-tát địa?

Đáp: Trong truyện có hai giải thích:

1. Nhị thừa, dị sinh cũng sinh. Quán kinh v.v... đều nói thành thật. Du-già, Nhiếp luận nói không sinh là y cứ Thọ dụng độ không ngăn Hóa độ.

2. Không sinh, vì Du-già, Nhiếp luận đứng về tự hiểu, lại kinh Đại Thừa Đồng Tánh ghi: Tịnh độ thành Phật đều là thọ dụng thân, trong uế độ đều là Hóa thân. Cho nên biết cội mà Hóa thân cư trú không được gọi là tịnh. Đây nói tịnh độ là y cứ tạm biến, tức như kinh Pháp Hoa nói ba biến cội tịnh. Kinh Duy-ma v.v... đồng.

Biện rằng: Nay đồng thuyết trước vì nhiều kinh luận nói sinh tịnh. Trong kinh Đồng Tánh vì đối với Hóa thọ dụng mà gọi là uế, cũng không trái nhau.

Luận: Luận nói chuyển bỏ A-lại-da thức được tự tánh.

Nhiếp luận ghi: Nên biết pháp thân do bao nhiêu Phật pháp nhiếp trì? Một do thanh tịnh gọi là chuyển A-lại-da thức được pháp thân. Cho nên biết cảnh trí tự tánh thân nhiếp.

Luận: Phẩm viên cảnh trí mà chứng đắc.

Nhiếp luận Vô Tánh quyển 9 giải thích: Phải biết trong này chuyển A-lại-da thức cho nên được Đại viên cảnh trí.

Luận: Nói Bình đẳng trí.

Nhiếp luận Vô Tánh quyển 9 ghi: Chuyển Mạt-na nhiễm ô được thành Bình đẳng tánh trí, do đây an trụ Vô trụ Niết-bàn, đại từ đại bi hằng cùng tương ứng, khéo vì sở thích của chúng sinh mà hiện hình bóng Phật.

Lại nói, Diệu quán sát trí đầy đủ tất cả môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa, dụ như kho báu, ở trong đại hội hay hiện tất cả tác dụng tự tại, hay đoạn các nghi, hay rưới mưa pháp.

Lại nói, Thành sở tác trí khắp ở mười phương tất cả thế giới hay

hiện biến hóa, tám tướng Thành đạo, hay hiện giữ gìn tất cả sự lợi lạc cho hữu tình.

Luận: “Nhưng nói chuyển bỏ tạng thức” đến “thật tánh kia”.

Xét luận Vô Tánh quyển 9 ghi: Do thể pháp thân kia thanh tịnh, tịnh thì ai chuyển ai mà được thanh tịnh? Vì đáp câu hỏi này nên nói như vậy: Chuyển A-lại-da thức được pháp thân. Do A-lại-da thức giữ gìn tất cả chủng tử tạp nhiễm, khi đối trị khởi, chuyển diệt tất cả chủng tử nhiễm như vậy, chuyển được tùy thuận tất cả công đức vô tội viên mãn. Thí như thuốc A-yết-đà ở thế gian có thể biến độc trở thành không độc, cho nên gọi là chuyển.

Luận: “Bình đẳng trí phẩm” đến “nhiếp Biến hóa thân”.

Hỏi: Xét kinh Phật Địa ghi: Quán sát trí ở trong đại chúng rưới mưa pháp lớn, nói pháp đoạn nghi, cho nên khởi Hóa tướng, thuộc thân gì?

Đáp: Y thọ dụng tha, vì Thánh Bồ-tát nói pháp v.v... là thuộc về tha thọ dụng, y nơi Hóa thân nhiếp cũng như vậy.

Hỏi: Đại viên cảnh trí duyên tướng sở biến của hai thân khác, còn ba trí khác duyên tướng sở biến của tự thọ dụng, đều thuộc thân gì?

Đáp: Viên cảnh trí biến tất cả của hai thân độ khác có hai giải thích:

1. Cũng là tự thọ dụng nhiếp, do cực vi tế chẳng phải cảnh kia, do hai trí này tự biến hai thân, chẳng phải kích phát Thức thứ tám mà khiến nó hiện.

2. Sở biến tùy chất hai thân độ nhiếp, nếu ba trí khác duyên tự thân độ tướng sở biến thì tự thân độ nhiếp chẳng phải là tha.

Luận: Nói Viên cảnh trí là Phật thọ dụng.

Hỏi: Đây tức trong luận Trang Nghiêm nói, sự trước làm sao hiểu mà giải thích?

Đáp: Nay vì nói chung rằng, do nhờ sức duyên Viên cảnh trí mới được thọ dụng, y cứ sở nhân mà nói, cũng không trái nhau.

Luận: Ba nghiệp hóa thân.

Xét kinh Phật Địa ghi: “Thân, ngữ và tâm hóa nghiệp phương tiện khéo léo” Luận kia quyển 7 ghi: Đây hiển Thành sở tác trí khởi ba nghiệp hóa, do trí này có thể dùng phương tiện khéo léo hay khởi thân, ngữ và tâm ba nghiệp hóa.

Thân hóa có ba loại:

1. Tự thân tương ứng, nghĩa là hóa tự thân làm vô số hình loại như Luân vương và hiện các thứ sự bản sinh.

2. Tha thân tương ứng, nghĩa là hóa ma vương làm thân Phật, biến Xá-lợi tử làm Thiên nữ v.v... nương trên thân khác thị hiện các thứ hình loại biến hóa.

3. Phi thân tương ứng, nghĩa là hiện đại địa làm bảy báu, hoặc hiện vô lượng hóa thân Phật, hoặc phóng hào quang chiếu vô lượng cõi. Các loại như vậy lia thân tự tha riêng biến hóa làm vô số hình loại tình và phi tình sắc. Các việc như đất chấn động, phóng quang, tỏa hương thơm... đều vì lợi lạc các hữu tình, tất cả đều gọi là thân Phật hóa nghiệp.

Ngũ nghiệp cũng có ba:

1. Tự thân tương ứng, nghĩa là Phật tự thân hóa hiện Phạm âm bảo khắp vô biên các thế giới, vô số ngữ nghiệp.

2. Tha thân tương ứng, nghĩa là khiến Thanh văn đại đệ tử dùng Phạm âm Phật tuyên nói diệu pháp Đại thừa sâu xa. Cho nên Thanh văn, các Bồ-tát v.v... nói chẳng phải diệu pháp sâu xa của phần mình mà đều là Như Lai biến hóa làm ra chứ chẳng phải sức của tự họ.

3. Phi thân tương ứng, nghĩa là hóa các loại biển lớn, cỏ, cây v.v... nhằm đến hư không cũng phát ra âm thanh nói đại pháp. Như vậy đều gọi là biến hóa ngữ nghiệp.

Ý hóa chỉ có hai:

1. Tự thân tương ứng, nghĩa là trên tự tâm hóa các thứ tâm và tâm pháp ảnh tượng sai khác.

2. Tha thân tương ứng, nghĩa là khiến tâm người cũng hiện vô số tâm và tâm pháp ảnh tượng sai khác. Đây là tướng phần tự kiến phần hiện.

Hỏi: Vì sao không hóa phi tình khiến tâm tướng hiện?

Đáp: Phi tình đã là tâm, đồng tướng phần, vì sao lại khiến có tâm tướng hiện? Nếu tâm tướng hiện thì gọi là hữu tình chẳng phải phi tình, cho nên hóa tâm chỉ có hai loại.

Hỏi: Đã thừa nhận hóa làm phi tình sắc tướng như hóa Phật v.v... Ở đây hiện tâm nói chẳng phải thân hóa, đây có lỗi gì?

Đáp: Sắc có lia chất hóa, thông phi thân, tâm pháp thì không như vậy, không có phi thân hóa. Luận kia lại có sự cho rằng, tâm không thể hóa, chỉ do định lực có thể khiến tự tâm hiểu, chẳng phải phần pháp gọi là hóa tự tâm. Nếu giúp đỡ người khiến kẻ ngu muội hiểu pháp sâu xa, khiến người cuồng điên được tỉnh lại, gọi là hóa tha tâm. Giải thích là chính.

Luận: “Nghĩa là tự tánh thân” đến “lìa tạp nhiễm”.

Lìa tạp nhiễm là hiển không thể khởi tham khuể. Cho nên sở y

không khởi tham v.v... này và nói lẽ ra là cây, đá, và dùng đó làm vượn hỏi, không vượn hỏi thật tánh trong cây, đá, vì thật tánh cũng là thể Chân như. Có nghĩa nói, nhưng sở nói pháp thân chuyển y Chân như thuận sinh công đức bốn trí Vô lậu vì trong thân hữu tình sẽ có thể thuận sinh, cũng được nói đủ có hằng sa công đức. Tánh cây, đá chẳng phải hiện không thuận, sẽ cũng không có nghĩa thuận sinh. Lại lẽ ra phải nói tánh của cây đá tức pháp thân Phật, vì pháp thân Chân như thể tròn khắp.

Biện rằng: Tuy lập giải thích này nhưng chẳng phải bản ý của sở, bản ý như trước.

Luận: Tự thọ dụng thân chỉ có tự lợi.

Hỏi: Do tự thọ dụng mới có tha hóa, lại cùng hữu tình không làm chướng ngại, làm y tăng thượng, hai nghĩa đã đủ, vì sao chỉ có tự lợi?

Đáp: Tự tánh thân kia chẳng phải chỉ có hai nghĩa, lại là cảnh các Thánh đã chứng. Tự thọ dụng thân chẳng phải các hàng khác biết được, cho nên không nêu. Nhưng thật ra chẳng phải không có nghĩa lợi tha, đứng về nghĩa tăng trưởng cho nên không có lỗi.

Luận: Tự tánh thân độ.

Đây nói rõ thân độ chư Phật đồng và khác. Trong các Thánh giáo đứng về nghĩa không đồng, nên có đồng dị, đều không trái nhau. Vả lại luận Trang Nghiêm ghi: Do y tâm, nghiệp nên ba thân đều bình đẳng.

Giải thích: Ba thứ thân kia thứ lớp như vậy, tất cả chư Phật thấy đều bình đẳng, do y cho nên tự tánh thân tất cả chư Phật bình đẳng. Pháp giới không sai khác, do tâm cho nên sinh thân tất cả chư Phật bình đẳng. Phật tâm không sai khác, do nghiệp cho nên hóa thân tất cả chư Phật bình đẳng vì đồng một sở tác. Nếu theo Phật Địa quyển 7 thì ba thân chư Phật đều có đồng và khác, cho nên luận kia ghi: “Pháp thân tất cả Như Lai cùng có cho nên không sai khác”. Đứng về nhân năng chứng có sai khác, cho nên giả nói là sai khác. Còn hai thân kia đều riêng nhân cảm, đều riêng tự tánh thật có sai khác, nhưng không riêng chấp. Đồng xứ tương tự, lợi lạc ý lạc, sự nghiệp bình đẳng nói là không sai khác.

Lại xét Nhiếp luận cũng có đồng và khác, quyển 9 ghi: Pháp thân chư Phật phải nói có khác, phải nói không khác. Y chỉ, ý lạc, nghiệp không riêng khác, phải nói không khác.

Giải thích: Đồng luận Trang Nghiêm. Lại vô lượng thân Phật hiện Đẳng giác cho nên phải nói có khác. Đây hiển pháp thân căn cứ năng chứng nói đồng luận Phật Địa. Lại nói, vô lượng Phật thân sai biệt chuyển cho nên phải nói có khác, hóa thân cũng vậy, tức luận này căn cứ sắc thân mà nói, y cứ có khác mà nói.

Luận: Hai thân độ khác có cộng và bất cộng.

Phật Địa quyển 7 có ba sự nói, đây đồng với chánh nghĩa thứ ba. Luận kia rất rộng, nay lược rằng: “Tất cả Như Lai giáo hóa hữu tình là cộng và bất cộng”. Có nghĩa đều cộng, do mỗi mỗi Phật đều độ tất cả, phước đức, trí tuệ tất cả bình đẳng, đồng vì cứu giúp hữu tình cầu Bồ-đề, như nói một Phật giáo hóa hữu tình tức tất cả Phật. Có nghĩa bất cộng, do Phật giáo hóa hữu tình loại bản thuộc nhau, vì thế vào thời Phật Đễ-sa, Như Lai từng cùng Từ Thị đồng làm đệ tử, Phật quán căn lành hữu tình mà Thích-ca giáo hóa thuận thực trước, giáo hóa hữu tình của Từ Thị thuận thực sau. Từ Thị nhân đầy đủ trước, Thích-ca đầy đủ sau, nên Phật Đễ-sa liền nhập Hỏa quang định khiến Thích-ca khen ngợi, vượt lên thành Phật trước. Phật sắp nhập diệt nói “những người đáng độ đều đã độ xong”.

Lại Khế kinh ghi: “Quán một sự giáo hóa ở Hữu đánh xứ hóa lưu một thân, họ từ chỗ kia chết sinh lại trong này. Hóa thân sở lưu vì họ nói diệu pháp khiến thành La-hán.

Như thật nghĩa là có cộng và bất cộng. Nếu giáo hóa chúng sinh một bề cộng thì đâu cần nhiều Phật, vì một Phật có thể giáo hóa tất cả chúng sinh. Nếu giáo hóa chúng sinh một bề bất cộng thì Bồ-tát không nên phát thệ nguyện rộng lớn thờ phụng nhiều chư Phật tu học Đại thừa, chư Phật không nên đem sở giáo hóa của mình phó chúc cho Phật sau.

Sớ: Năng biến đó là không có ược phiền não.

Hỏi: Địa thứ bảy trở về trước, phiền não vẫn khởi vì sao nói không có ược phiền não?

Đáp: Tuy có phiền não đều là vì lợi ích, đủ vô lượng đức cho nên không bị lỗi làm dơ ược.

Sớ: Bản chất thông tịnh ược.

Phật sở biến chất tương tự như nhiễm nên gọi là ược.

Sớ: Tương gọi là chẳng thuận lý.

Đây hiển lý do biết tướng chưa hẳn đều đồng. Tánh tướng thuận cho nên kiến và tướng đồng tánh, chẳng phải tướng thuận tức sắc tâm v.v... các thứ sai khác.

Sớ: Không thể Hữu lậu đồng Vô lậu.

Vạn hỏi rằng: Vô lậu kiến, tướng thiện v.v... các thứ đồng tánh, Hữu lậu hai phần khác tánh chủng vì sao không đồng?

Đáp: Trói buộc và không trói buộc sai khác, không thể làm vạn hỏi.

Sớ: “Hỏi” đến “Hữu lậu Vô lậu hẳn đồng”.

Kiến và tướng hai phần Hữu lậu Vô lậu ý gì ắt đồng?

Đáp: Thuận nhau, đồng lậu và Vô lậu có thể gọi là thuận nhau, lỗi một lậu Vô lậu nghĩa thuận nhau.

Sớ: Ba thân đối nhau bốn câu.

Xét luận kia ghi: Ba thân như vậy có bốn phần cho nên được làm bốn câu.

1. Thọ dụng chẳng phải biến hóa: Nghĩa là tự lợi phần thật thọ dụng thân.

2. Biến hóa chẳng phải thọ dụng: Nghĩa là biến hóa thân, vì giáo hóa Địa tiền tạp loại sinh. Hoặc thọ hoặc diệu, hoặc khiến vui mừng, hoặc khiến sợ sệt, chuyển đổi không nhất định, chỉ gọi là biến hóa, không là thọ dụng, vì chưa hẳn khiến thọ hiện pháp lạc.

3. Vừa thọ dụng vừa biến hóa: Nghĩa là vì Địa thượng Bồ-tát sở hiện các thứ hóa thân, khiến các Bồ-tát thọ pháp lạc, tùy thời chuyển đổi không quyết định.

Lại nói, hoặc có chỗ nói Phật có hai loại thân: một là sinh thân, hai là pháp thân. Hoặc tự tánh thân, hoặc thật thọ dụng đều gọi là pháp thân, do các pháp công đức sở y chỉ, các pháp công đức nhóm thành. Hoặc biến hóa thân, hoặc tha thọ dụng thân đều gọi là sinh thân, vì tùy sở nghi của họ mà hiện sinh.

Lại nói, các kinh khác nói có mười thứ Phật.

1. Hiện đẳng giác Phật
2. Hoằng thệ nguyện Phật
3. Nghiệp dị thực Phật
4. Trụ trì Phật
5. Biến hóa Phật
6. Pháp giới Phật
7. Tâm Phật
8. Định Phật
9. Bản tánh Phật
10. Tùy lạc Phật.

Năm loại trước là Thế tục Phật, năm loại sau là Thắng nghĩa Phật, tùy chỗ ứng kia mà ba thân nhiếp.

Giải thích: Hóa thân thị hiện thành đạo ở dưới cây gọi là Hiện đẳng giác. Dùng nguyện nương thân thông giáo hóa tất cả chúng sinh gọi là Hoằng thệ nguyện. Trăm kiếp tu tướng nghiệp, cảm thân tướng hảo ở cung vua, gọi là Nghiệp dị thực. Các tranh tượng gọi là Trụ trì. Tự thể pháp thân gọi là Pháp giới. Thức thứ tám Vô lậu gọi là Tâm Phật.

Thân đại định gọi là Định Phật. Tự thọ dụng thân theo bản chủng tánh ba kiếp tu hành gọi là Bản tánh Phật. Tùy Địa chỗ ưa thích của địa trên không đồng nên hiện thân có khác gọi là Tùy lạc Phật. Năm loại trước là hóa và do trụ trì cho nên gọi là Thế tục. Năm loại sau là thật thân và thù thắng cho nên gọi là Thắng nghĩa. Thứ nhất đến thứ tư là Hóa thân, thứ năm là Hóa tượng, thứ sáu Pháp thân. Bốn thân sau là Thọ dụng.

